

GỠ VIỆT

TẠP CHÍ CỦA HIỆP HỘI GỠ & LÂM SẢN VIỆT NAM - VIETNAM TIMBER & FOREST PRODUCT ASSOCIATION

Số 61 - Tháng 10.2014
No. 61 - October, 2014

NGÀNH GỠ

Chưa chủ động được
nguyên liệu

TIMBER INDUSTRY

No Active Materials



22.300 VNĐ

www.goviet.org.vn

GÕ VIỆT

Vietnam Timber & Forest Product Association

Go Viet Magazine

Add: No 189 Thanh Nhan Str, Hai Ba Trung, Ha Noi, Viet Nam

Tel: (84)4.37833016 - Fax: (84)4.37833016

Email: info@goviet.com.vn - Website: www.goviet.org.vn

Volume
5,000
copies/issue

Monthly Publication
5-10

**An Efficient
Marketing Channel**
for wood processing enterprises



HỘI CHỢ ĐỒ GỖ & TRANG TRÍ NỘI THẤT VIỆT NAM 2014



06 - 09/11/2014

Trung tâm Hội chợ Triển lãm Tân Bình (TBECC)
446 Hoàng Văn Thụ, Quận Tân Bình, TP.HCM

www.vifahome.vifafair.com

Đồ gỗ Việt
Giữ vững sân nhà
Không phụ thuộc hàng nhập

Giờ mở cửa:

* 06/11/2014 10:00 - 20:00

* 07-08/11/2014 9:00 - 20:00

* 09/11/2014 9:00 - 21:00

(Vào cửa tự do)

Mọi chi tiết vui lòng liên hệ:

HAWA CORPORATION

Lầu 2, Tòa nhà Thanh Dung,

179 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM

ĐT: 08 3836 4682/83/84 - Fax: 08 3836 4648

Email: info@hawacorp.com.vn

Website: www.vifafair.com - www.vifaexpo.com

Thư toà soạn

Letter of Editors

Nhập khẩu nguyên liệu gỗ từ nước khác không phải là chuyện lớn bởi hầu hết Chính phủ các nước hạn chế khai thác nguồn nguyên liệu quốc gia cũng là để giảm hậu quả của việc khai thác rừng đến môi trường sống. Tuy nhiên, đối với Việt Nam, chuyện phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nước ngoài là không nhỏ vì chế biến gỗ đang trở thành ngành xuất khẩu tiềm năng, tạo nhiều giá trị cho nền kinh tế và việc làm cho người lao động vốn là lực lượng chủ lực của ngành chế biến gỗ.

Hàng năm ngành chế biến gỗ của Việt Nam phải nhập khẩu trên 3 triệu m³ gỗ các loại, mức nhập khẩu này dự đoán sẽ tiếp tục tăng cao hơn, khi Việt Nam đặt mục tiêu xuất khẩu thành phẩm đạt 15-20 tỷ USD trong vòng 10 năm tới.

Việt Nam nhập khẩu đa dạng nguyên liệu gỗ từ nhiều quốc gia khác nhau, trong đó tập trung vào ba khu vực chính là Asean, châu Âu và Bắc Mỹ. Quốc gia cung cấp nguyên liệu gỗ cho Việt Nam nhiều nhất là Campuchia, Lào, Malaysia, Indonesia... và đặc biệt là thị trường Mỹ - một thị trường mạnh về nguyên liệu gỗ cứng, với sản lượng cung cấp cho Việt Nam 6 tháng đầu năm 2014 lên tới 199.131 m³ tăng 11% về khối lượng và 19% về giá trị. Dự kiến Mỹ sẽ trở thành thị trường cung cấp nguyên liệu gỗ chính của Việt Nam.

Nhu cầu nhập khẩu gỗ nguyên liệu của Việt Nam không ngừng tăng lên trong khi nguồn cung trên thế giới ngày càng trở nên khó khăn và diễn biến bất lợi cho người nhập khẩu. Nguồn gỗ từ Lào và Campuchia đang cạn kiệt, giá gỗ nguyên liệu trên thị trường Malaysia - thị trường nhập khẩu gỗ nguyên liệu lớn nhất của Việt Nam - đang tăng mạnh, giá xăng dầu tăng làm tăng cước phí vận chuyển đường biển đối với gỗ nguyên liệu nhập khẩu ở các thị trường xa... Theo đánh giá của các chuyên gia, giá gỗ nguyên liệu nhập khẩu của Việt Nam, tùy chủng loại, đã tăng từ 40% đến 100%, đây được coi là một bất lợi rất lớn làm giảm giá trị gia tăng của ngành gỗ.

Ban biên tập Tạp chí Gỗ Việt

The import of timber material from other countries is not a big deal because most governments restrict the exploitation of timber materials to reduce the consequence of the forest harvest to the environment. However, for Vietnam, the dependence on foreign timber materials is very large because the wood processing industry has been becoming potential exports, making value for the economy and jobs for workers which are the main force of the wood processing industry.

Every year Vietnam wood processing industry has to import more than 3 million m³ of wood types, the import is expected to continue rising higher, while Vietnam targets to export finished products to reach USD 15-20 billion in the next 10 years.

Vietnam imports wood materials from many different countries, focusing on three main areas of Asean, Europe and North America. The countries which supply the most timber for Vietnam are Cambodia, Laos, Malaysia, Indonesia ect and especially the United States - a strong market of hardwood materials with the productivity in 6 first months of 2014 up to 199, 131 m³ increased 11% in volume and 19% in value. The US is expected to become the supply market of timber material of Vietnam.

Vietnam demand for importing wood materials continuously increases while the supply in the world has become increasingly difficult and had adverse changes to the importers. Timber source from Laos and Cambodia are exhausted, timber material prices on the Malaysian market are rising strongly – Vietnam imports the largest timber material from this market, an increase of oil prices makes shipping charges for wood import from distant markets rise... According to experts, the price of Vietnam's timber imports has increased from 40% to 100% for different species,, this is considered to be a huge disadvantage to reduce the added value for wood industry.

Editor Board of GoViet Magazine



Chief of Editor Board
Trưởng ban biên tập

NGUYỄN TÔN QUYỀN

Advisors
Cố vấn

PHAN TÙNG
CHU ĐÌNH QUANG
TRỊNH VỸ

Managing Editor
Thư ký tòa soạn

NGUY HỒNG
(nguyhongbc@gmail.com)

Member of Editor Board
Ủy viên

NGÔ SỸ HOÀI
LÊ KHẮC CÔI
CAO XUÂN THANH

Chief of Office
Chánh văn phòng

CAO CẨM
HP. 0904 357 589

Art Direction
Thiết kế mỹ thuật

HỒNG NGÂN

GÕ VIỆT MAGAZINE

189 Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: (84 4) 6278 2122/3783 3016
Fax: (84 4) 3783 3016
Email: info@goviet.com.vn
Website: www.goviet.org.vn

Ho Chi Minh City Representative Office
Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh

12 Phùng Khắc Khoan, Q. 1, TP. HCM
Tel: (84 8) 38248432

In tại

Công ty TNHH CP KH&CN HẢI ĐĂNG

Publication Licence No 44/GP - BTTT delivered 13/01/2009
by Ministry of Information and Communications, Socialist
Republic of Viet Nam.

Giấy phép xuất bản số

44/GP - BTTTT Cấp ngày 13/01/2009



VẤN ĐỀ HÒM NAY
CURRENT ISSUES

- 6 Các sản phẩm đồ gỗ nội thất được chứng nhận và việc tuân thủ EUTR
- 10 Certified Products and Compliance with EUTR in Furniture
- 14 Ngành gỗ chưa chủ động được nguyên liệu
- 16 Timber industry: No Active Materials

TIN TỨC
NEWS

CÂU CHUYỆN DOANH NGHIỆP
BUSSINESS CORNER

- 22 Một vài suy nghĩ về cổ phần hoá các công ty Lâm nghiệp
- 24 Some Thoughts on the equitization of Forestry Companies
- 26 VIFA HOME 2014: Đồ gỗ Việt giữ vững sân nhà không phụ thuộc hàng nhập
- 27 VIFA HOME FAIR 2014: "Vietnam Furniture - Keep Home, Without Depending on Imports"

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
SUSTAINABILITY

- 32 Thống kê lâm sản thương mại: Vấn đề và giải pháp
- 34 Statistics of Forest Products Trade: Issues and Solutions

ĐỊA CHỈ TIN CẬY
YELLOW PAGES

CƠ HỘI GIAO THƯƠNG
TRADING OPPORTUNITIES

HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP
EXPORT & IMPORT

HỘI CHỢ TRIỂN LÃM 2014
EVENT CALENDAR 2014

Các sản phẩm được chứng nhận & VIỆC TUÂN THỦ QUY CHẾ GỠ EU TRONG LĨNH VỰC ĐỒ GỠ NỘI THẤT

Trước những thách thức cụ thể đối với ngành đồ gỗ nội thất, việc thực thi Quy chế gỗ EU một cách hiệu quả gần như hoàn toàn phụ thuộc vào nỗ lực của khu vực tư nhân để phát triển một hệ thống kiểm soát đủ mạnh cho chuỗi cung ứng nội bộ. Các hệ thống kiểm soát này phải có khả năng xác định nguồn gốc của các sản phẩm khi có nghi vấn và cung cấp các thông tin cần thiết cho các cơ quan quản lý điều hành để thực hiện những công tác thẩm định đáng tin cậy.

▼ JADE SAUNDERS
Viện quan hệ quốc tế Hoàng Gia

Bài viết này tìm hiểu mức độ tích cực của các doanh nghiệp trong việc thực thi Quy chế gỗ EU (EUTR - EU Timber Regulation), có hiệu lực kể từ tháng 3 năm 2013, có thể dựa vào các hệ thống chứng nhận của Hội đồng Quản lý rừng (FSC - Forest Stewardship Council) và Chương trình chứng thực chứng chỉ rừng (PEFC - Programme for the Endorsement of Forest Certification). Trọng tâm chính của bài viết này là về vấn đề nhập khẩu đồ gỗ nội thất.

QUY CHẾ GỠ EU VÀ NGÀNH ĐỒ GỠ NỘI THẤT

EUTR áp dụng cho một loạt các loài gỗ và sản phẩm gỗ - cho dù các sản phẩm này được sản xuất trong nước hay nhập khẩu. Quy chế này nhằm mục đích cung cấp các ưu đãi trong một thị trường rộng lớn cho các tổ chức khai

thác rừng hợp pháp trên toàn cầu bằng cách áp đặt ba yêu cầu quan trọng: (i) GSPG có nguồn gốc từ gỗ khai thác trái phép sẽ không được lưu hành trên thị trường châu Âu ở lần đầu tiên đưa sản phẩm ra thị trường. (ii) Các nhà khai thác - những người đưa sản phẩm gỗ ra lưu hành lần đầu trên thị trường EU - phải tích cực tuân thủ và có thể cung cấp các bằng chứng về việc họ đã tuân thủ EUTR. (iii) Các nhà kinh doanh - những người mua hoặc bán gỗ và sản phẩm gỗ đã lưu hành trên thị trường EU - được yêu cầu phải lưu giữ các thông tin về nhà cung cấp và các khách hàng mua sản phẩm để có thể dễ dàng truy tìm nguồn gốc của gỗ trên khắp thị phần châu Âu trong chuỗi cung ứng sản phẩm có liên quan.

Theo EUTR, một hệ thống kiểm định đáng tin cậy phải đáp ứng được 3 yêu cầu về: Thu thập thông tin; Đánh giá rủi ro; và Giảm thiểu rủi ro. Xuất phát từ nhận thức về những thách thức

trong việc thực hiện và thi hành quy chế trong ngành này, EUTR không áp dụng cho tất cả các loại sản phẩm nội thất - ít nhất là trong thời gian hiện tại. Các sản phẩm đồ nội thất theo quy định của EUTR được phân loại theo hệ thống mã hóa hải quan. Hiện nay, các sản phẩm nội thất gồm các loại như sau:

- 9403 30 - Đồ nội thất bằng gỗ sử dụng trong văn phòng;
- 9403 40 - Đồ nội thất bằng gỗ sử dụng trong nhà bếp;
- 9403 50 00 - Đồ nội thất bằng gỗ sử dụng trong phòng ngủ;
- 9403 60 - Các loại đồ gỗ nội thất khác;
- 9403 90 30 - Các thành phần cấu kiện làm bằng gỗ.

Các sản phẩm sau đây được miễn trừ khỏi Quy chế và dự kiến sẽ vẫn được miễn trừ ít nhất cho khi EUTR được xem xét lại, dự kiến vào năm 2015:

- 9401 - Các loại ghế bằng gỗ;

• 9402 – Các sản phẩm từ gỗ phục vụ cho ngành y tế, phẫu thuật, nha khoa hoặc thú y;

• 9403 10 – Đồ nội thất bằng kim loại sử dụng trong văn phòng [và có chứa các bộ phận bằng gỗ];

• 9403 80 00 – Đồ nội thất bằng vật liệu khác, bao gồm cả trúc, liễu gai, tre hoặc các vật liệu tương tự, và;

• 9403 90 – Các bộ phận cấu kiện của nội thất.

Thường thì các sản phẩm nội thất nằm trong nhóm các sản phẩm gỗ tổng hợp và như vậy các sản phẩm này là đối tượng thuộc phạm vi hướng dẫn của Ủy ban châu Âu, nhưng không phải ràng buộc về mặt pháp lý. Hướng dẫn này công nhận những thách thức đặt ra cho các sản phẩm đồ gỗ nội thất nhưng nhấn mạnh rằng các yêu cầu của EUTR phải được đáp ứng.

Hướng dẫn này đồng thời chỉ ra rằng sự pha trộn các loài gỗ có liên quan đến quá trình sản xuất bất kỳ sản phẩm tổng hợp nào cũng có phạm vi rất rộng và thay đổi theo thời gian. Do vậy, để đánh giá rủi ro một cách đầy đủ, một loạt các yếu tố cần phải được đưa ra xem xét, bao gồm: (1) Sự phức tạp của chuỗi cung ứng; (2) Bằng chứng của việc không thực thi luật pháp; (3) Các trường hợp đã biết về các hoạt động bất hợp pháp; (4) Thông tin về tình trạng tham nhũng; (5) Thông tin về nguồn khai thác; (6) Thiếu các hoạt động kiểm soát chuỗi cung ứng; (7) Vấn đề thiếu minh bạch; (8) Thông tin

có chất lượng kém; (9) Các loài cây, và; (10) Tài liệu không đáng tin cậy.

Rõ ràng, ngành đồ gỗ nội thất đã đi tiên phong trong việc chỉ ra sự phức tạp của chuỗi cung ứng (điểm 1) như đã nói ở trên. Nhưng việc xác định được loài gỗ và quốc gia xuất xứ sẽ cho phép các nhà sản xuất trong lĩnh vực xem xét đến các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý của nhà nước như các điểm 2), 3) và 4), trong khi việc kiểm tra chuỗi cung ứng cụ thể sẽ cho phép đánh giá các điểm 6), 7), 8) và 10).

CÁC CHỨNG CHỈ TRONG NGÀNH ĐỒ GỖ NỘI THẤT

Hệ thống chứng nhận trong EUTR

Quy chế này đặt ra các yêu cầu tối thiểu mà một chương trình chứng nhận phải đáp ứng để chứng minh sự phù hợp của chương trình đó với một hoặc tất cả ba yếu tố của một hệ thống xác minh đáng tin cậy bao gồm: Các yêu cầu để được cấp chứng nhận, ở mức tối thiểu, bao gồm tất cả các yêu cầu có liên quan đến luật pháp hiện áp dụng; Chế độ kiểm tra thích hợp, bao gồm cả việc khảo sát thực địa tối thiểu 12 tháng một lần do một bên thứ ba độc lập thực hiện; Các phương tiện, do một bên thứ ba độc lập xác nhận, để truy tìm nguồn gốc gỗ và sản phẩm gỗ tại bất kỳ điểm nào trong chuỗi cung ứng trước khi một sản phẩm được đưa ra trên thị trường EU; Chế độ kiểm



soát, do một bên thứ ba độc lập xác nhận, nhằm đảm bảo rằng không có gỗ bất hợp pháp hoặc gỗ không rõ nguồn gốc xâm nhập vào chuỗi cung ứng.

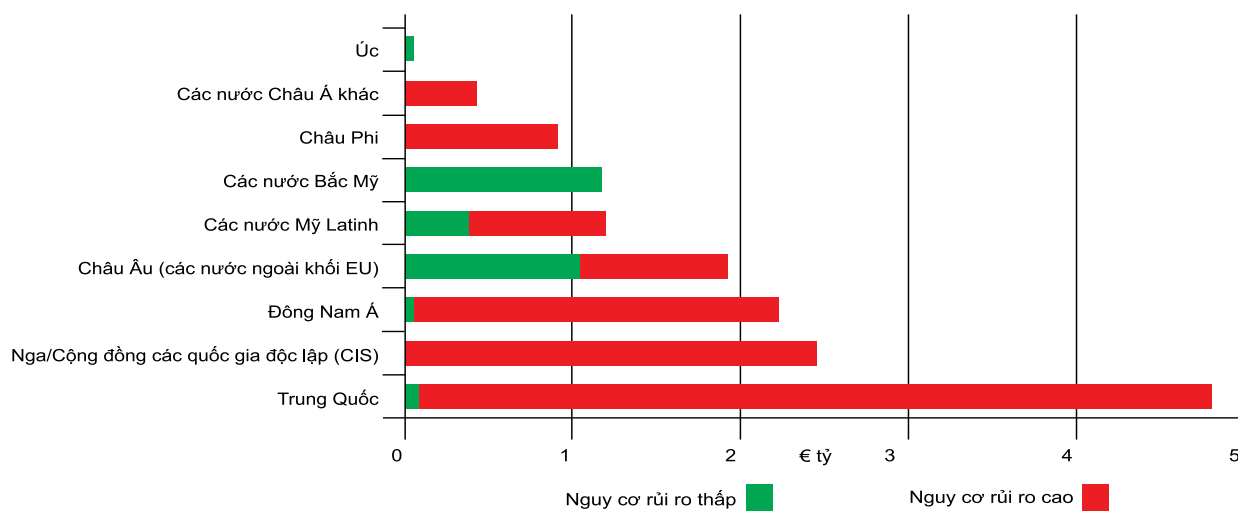
Mục đích của các tiêu chí trên là để đánh giá năng lực của bất kỳ chương trình chứng nhận nào về sự phù hợp đối với yêu cầu về xác minh thông tin, như quy định của EUTR. Cả 2 tổ chức Hội đồng quản lý Rừng (FSC - Forest Stewardship Council) và Chương trình chứng thực chứng chỉ rừng (PEFC - Programme for the Endorsement of Forest Certification) đều đáp ứng được những tiêu chí này.

Giấy chứng nhận trong chuỗi cung ứng đồ nội thất “có nguy cơ cao”

Các chứng nhận có nội dung đánh giá ngắn gọn về “chuỗi hành trình” (CoC) được cấp cho các nhà sản xuất đồ gỗ nội thất, cho thấy rằng ở những quốc gia được đánh giá là “có nguy cơ cao”, có giá trị kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ cao (Hình 1), thì lại đang áp dụng rất hạn chế các chứng chỉ do PEFC cấp. Điều đó có nghĩa rằng, tính chất và độ vững mạnh của chương trình này không gắn bó mật thiết với mối nghi vấn về sự tuân thủ EUTR liên quan đến việc nhập khẩu đồ gỗ nội thất từ các quốc gia đó. Tuy nhiên, với sự hợp tác rất có ý nghĩa sắp diễn ra ở Trung Quốc - ít nhất là thông qua hệ thống chứng thực chính thức theo chuẩn PEFC của Hội đồng cấp chứng chỉ rừng Trung Quốc - chương trình này có khả năng sẽ được sử dụng ngày càng nhiều như một công cụ đánh giá sự tuân thủ pháp luật.



Hình 1: Biểu đồ giá trị kim ngạch nhập khẩu gỗ từ các nước có “nguy cơ cao” và “nguy cơ thấp” trong khu vực, năm 2011.



(Nguồn: Eurostat)

Ngược lại, một số lượng đáng kể các chứng chỉ CoC đã được cấp - theo thứ tự giảm dần về số lượng - ở Trung Quốc, Việt Nam và Nhật Bản, theo tổ chức đăng kiểm toàn cầu của Hội đồng quản lý rừng (FSC Global Certificate Register). Số lượng các công ty có chứng chỉ CoC ở Ấn Độ, Hồng Kông, Indonesia và Đài Loan thì ít hơn, và chỉ có một số ít các công ty có loại chứng chỉ này ở Malaysia, Thái Lan và Singapore.

Tuy nhiên, chứng nhận CoC chỉ liên quan đến quyền và khả năng của một công ty trong việc xử lý các nguyên vật liệu thô và/hoặc sản phẩm có chứng nhận nguồn gốc hợp lệ. Do đó số lượng đáng kể các công ty có chứng nhận chuỗi hành trình không đồng nghĩa với việc có từng ấy công ty đang thực sự kinh doanh các nguyên vật liệu/sản phẩm được chứng nhận. Nhưng đồng thời, các số liệu về chứng nhận chuỗi hành trình đã làm nổi bật tầm quan trọng của hệ thống FSC trong việc vận dụng quy trình cấp chứng nhận hiện tại nhằm mục đích tuân thủ EUTR ở quy mô ngắn hạn và trung hạn.

Việc duy trì độ tin cậy của các chương trình đánh giá cấp chứng nhận hiện có đòi hỏi rằng vấn đề quản trị nội bộ cũng như tính minh bạch và giám sát nội bộ phải được liên tục rà soát.

Nếu hệ thống này không được kiểm soát chặt chẽ và nếu như việc mua bán các sản phẩm được chứng nhận được coi như là bằng chứng về việc tuân thủ các nội dung của EUTR, sẽ khuyến khích gia tăng tình trạng lạm dụng ở các nước có nguy cơ cao.

CÁC THÁCH THỨC

Công bố tỷ lệ phần trăm

Yêu cầu công bố tỷ lệ phần trăm đã được phát triển trong một số chương trình chứng nhận, đặc biệt là các chương trình của FSC, PEFC và tổ chức Sáng kiến lâm nghiệp bền vững (SFI - Sustainable Forestry Initiative), để thích ứng với các chuỗi cung ứng phức tạp cho các sản phẩm tổng hợp chẳng hạn như đồ nội thất. Các chương trình này cho phép các vật liệu có chứng nhận được pha trộn với gỗ từ các nguồn khác nhau đã được sàng lọc theo các tiêu chí đánh giá rủi ro khác nhau đối với loại gỗ “gây nhiều tranh cãi” - bao gồm cả các loài gỗ bị khai thác trái phép. Chương trình gần đây nhất của PEFC bao gồm các tùy chọn “nguồn cung cấp được các tổ chức chính phủ hoặc phi chính phủ xác minh hoặc được cấp giấy phép theo chương trình”. Điều này có thể cho thấy điểm yếu của

chương trình này, mặc dù các đánh giá quan trọng về các thể loại của việc xác nhận và / hoặc các bằng chứng được chấp nhận cho các loại gỗ này đều đã được thực hiện.

Hội đồng quản lý rừng (FSC) hiện đang thu hồi tùy chọn “tự đánh giá” và thay vào đó bằng chức năng đánh giá rủi ro theo quốc gia. Quy trình này sẽ hoàn tất vào cuối năm 2014, và nó hiện đang được sử dụng ở những nơi đã áp dụng việc đánh giá rủi ro. Cho đến khi tất cả đã sẵn sàng, việc đánh giá rủi ro vẫn có thể được thực hiện bởi các tổ chức đánh giá (có chứng nhận) và mức độ giám sát của một đánh giá như vậy có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào các nguồn lực sẵn có của mỗi tổ chức và bối cảnh đánh giá rủi ro của mỗi quốc gia.

Các tùy chọn của một hệ thống “khối lượng tín dụng” trừu tượng trong một số tiêu chuẩn CoC sẽ tách riêng yếu tố rừng xuất xứ và các nhà điều hành ở các bước tiếp theo. Các nhà sản xuất được chứng nhận khi sử dụng hệ thống này có thể tính toán - trên cơ sở sự kết hợp giữa các loại gỗ có chứng nhận và loại gỗ có kiểm soát - để xác định được tỷ lệ của gỗ được chứng nhận trong thành phẩm, và bán thành phẩm đầu ra với tỷ lệ tương đương kèm theo công bố về “cam kết tỷ lệ pha trộn”. Rõ ràng

là, nếu hệ thống đánh giá gỗ có kiểm soát đủ mạnh, nó sẽ thiết lập tính hợp pháp cho sản phẩm. Tuy nhiên, vẫn chưa xây dựng được mối liên kết giữa thông tin về chuỗi cung ứng cần thiết cho việc đánh giá xác minh theo EUTR và các sản phẩm trong diện nghi vấn.

Liên quan đến vấn đề đánh giá rủi ro và giảm thiểu rủi ro, việc công bố tỷ lệ phần trăm không phải vấn đề mâu thuẫn với các yêu cầu cốt lõi của EUTR vì bản thân Quy chế này và các điều luật hỗ trợ và hướng dẫn đều không ràng buộc bất kỳ trách nhiệm nào đối với các nhà điều hành để xác định chính xác tỷ lệ phần trăm của mỗi loài gỗ trong một sản phẩm tổng hợp. Thay vào đó, các nhà điều hành phải liệt kê tất cả các loài có thể được sử dụng trong mỗi sản phẩm - không phụ thuộc vào tỷ lệ chính xác. Tuy nhiên, trong bối cảnh các tài liệu và mục tiêu của EUTR ở diện rộng hơn, chúng ta nên giả định rằng độ chính xác lớn hơn về tỷ lệ của mỗi loài trong một sản phẩm tổng hợp là chìa khóa để đánh giá và giảm thiểu rủi ro - theo một cách thức “đầy đủ và tương xứng” - về nguy cơ gỗ bất hợp pháp xâm nhập vào các chuỗi cung ứng.

Nhầm lẫn của bên mua

Mặc dù các chương trình của FSC và PEFC đều nỗ lực để làm rõ quá trình giao dịch mua bán những sản phẩm có chứng nhận đáng tin cậy và bất kỳ khiếu nại nào về hóa đơn giao dịch hoặc sản phẩm đều có thể được diễn giải chính xác, thì những bằng chứng đáng kể thu thập từ các cơ quan chức năng có thẩm quyền thực thi EUTR lại cho thấy rằng vẫn có sự nhầm lẫn đáng kể về tính chất và phạm vi khai báo thông tin, và các bước cần thiết để tránh mua phải các sản phẩm sử dụng giấy chứng nhận gian lận. Rõ ràng là, theo Quy chế gỗ EU, trách nhiệm phải biết về những gì đang được giao dịch thuộc về các nhà khai thác, nhưng đồng thời, các cơ quan có thẩm quyền và các tổ chức giám sát có trách nhiệm gửi thông điệp nhất quán về những gì cấu thành nội dung khai báo để xin cấp giấy chứng nhận đáng tin cậy và những

rủi ro và lợi ích gắn liền với việc mua các sản phẩm được chứng nhận từ các quốc gia có nguy cơ rủi ro cao.

Có mối quan tâm đặc biệt về tần suất sử dụng chứng chỉ CoC như là bằng chứng duy nhất về việc sản phẩm được kiểm soát theo một chương trình chứng nhận hoặc “tương thích” với các quy định của EUTR. Việc thực thi hiệu quả EUTR đòi hỏi các cơ quan có thẩm quyền phải làm rõ rằng một chứng chỉ CoC đơn thuần không thể hiện bất cứ điều gì có giá trị về nguồn gốc hoặc nguy cơ bất hợp pháp của sản phẩm liên quan. Ví dụ, đồ nội thất được mua từ một nhà sản xuất ở Trung Quốc hay Việt Nam có kèm theo một chứng chỉ CoC chỉ có thể được xem là sản phẩm được chứng nhận khi sản phẩm đó có kèm theo bản công bố đủ hiệu lực, cho thấy các nguyên liệu đã được lấy từ một khu rừng có chứng nhận, hoặc có xuất xứ từ một hệ thống sản xuất đảm bảo được kiểm soát, và mỗi liên kết thương mại trong chuỗi cung ứng - từ rừng đến điểm giao dịch của các nhà khai thác - đều có chứng chỉ chuỗi hành trình hợp lệ.

KẾT LUẬN

Sản phẩm tổng hợp, là một thành phần chiếm tỷ lệ lớn và ngày càng giữ vai trò quan trọng trong lĩnh vực nhập khẩu theo các quy định của EUTR. Độ tin cậy của các quy định trong lĩnh vực

đồ nội thất phụ thuộc vào mức độ tuân thủ luật pháp.

Từ quan điểm thực thi, việc phân tích định tính ít có tính khả thi trong lĩnh vực đồ nội thất và các sản phẩm phức tạp khác. Vì vậy, những phân tích loại này được sử dụng như một biện pháp chiến lược và là một công cụ hữu ích cho các nhà điều hành để xác minh thông tin về những sản phẩm có nguy cơ cao nhất của các nhà cung cấp.

Nhưng phần lớn các sản phẩm nội thất được mua bán giao dịch trên cơ sở các đánh giá xác minh dựa trên hệ thống chứng nhận hiện tại hoặc các quy trình đánh giá chứng nhận dựa trên các xác minh đó. Vì lý do này, việc tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật do các hệ thống đánh giá chứng nhận thiết lập là một thành phần quan trọng liên quan đến chức năng hoạt động hiệu quả và độ tin cậy của EUTR.

Nhà khai thác cần phải hiểu rằng việc nghiêm túc tuân thủ EUTR đòi hỏi phải thực hiện việc đánh giá rủi ro trên diện rộng cho tất cả các nhóm sản phẩm - cho dù đã có các chứng chỉ chứng nhận. Những gì có thể được coi là việc xác minh một cách “đầy đủ và tương xứng” phụ thuộc chủ yếu vào bối cảnh rủi ro ở mỗi quốc gia và các nỗ lực của chương trình chứng nhận có liên quan để xác định và giải quyết vấn đề gian lận. ▽



CERTIFIED PRODUCTS AND COMPLIANCE WITH EUTR IN FURNITURE

▼ JADE SAUNDERS
Royal Institute of International Relations

For specific challenges to the furniture industry, the implementation of the EU Timber Regulation (EUTR) effectively almost depends on the efforts of the private sector to develop a powerful control system for internal supply chain. The control system must have the ability to determine the origin of the suspected products and provide the necessary information for the operating authorities in the implementation of reliable evaluation.

This article is about the EUTR implementation of enterprises at the positive aspect, took effect since March 2013, it may rely on the certification system of Forest Stewardship Council (FSC) and Programme for the Endorsement of Forest Certification (PEFC). The main content of this article is about furniture import.

EUTR AND FURNITURE INDUSTRY

EUTR covers a wide range of timber species and products - whether these products are produced domestically or imported. This regulation aims at providing the incentives for legal forest harvest organizations in the global by imposing three key obligations: (i) Wood and wood products (W&WP) which derives from illegally harvested timber will not be prohibited on the EU market for the first time of providing products into this market. (ii) The operators who sell their products on the EU market for the first time, they must actively comply with and provide

evidence for their compliance of the EUTR. (iii) The traders who buy or sell timber and timber products on the EU market need to keep records about their suppliers and customers. In this way the operators can always be traced to related products in supply chain.

According the EUTR, the reliable accreditation system must meet three requirements: information collection; risk assessment; and risk reduction. From the challenges in the implementation and enforcement of the regulation in this industry, the EUTR does not apply to all furniture products - at least in present time. The furniture products under the EUTR are classified according to the customs coding system. Currently, there are the furniture products as follows:

- 9403 30 - Wooden furniture used in offices;
- 9403 40 - Wooden furniture used in the kitchen;
- 9403 50 00 - Wooden furniture used in the bedroom;
- 9403 60 - Different furniture;

- 9403 90 30 - Wooden components.

The following products are exempt from the regulation and they are expected to remain exempt until the EUTR is reconsidered, expectedly in 2015:

- 9401 - Wooden chairs;
- 9402 - The wood products serving for health, surgery, dentistry or veterinary;
- 9403 10 - Metal furniture used in offices [and contains wooden parts];
- 9403 80 00 - Furniture using other materials, including small bamboo, osier, bamboo or similar materials;
- 9403 90 - Furniture components.

These furniture products are usually in the group of composite wood products, so those products are subject under the guidance of the European Commission, but they are not legally bound. This guide acknowledges the challenges for the furniture products but it is stressed that EUTR requirements must be met.

This guide also pointed out that the

mix of involved timber species in the production process of any synthetic products also has a very wide scope and change over time. Therefore, to assess the risks adequately, the factors need to be taken into consideration, including: (1) The complexity of the supply chain; (2) Evidence of no enforcement of the law; (3) The cases were aware of the illegal activities; (4) Information about corruption; (5) Information on the source of exploitation; (6) Lack of controlling supply chain; (7) Lack of transparency; (8) Information has poor quality; (9) The tree species; and (10) unreliable documents.

Obviously, the furniture industry has been a pioneer in pointing out the complexity of the supply chain (point 1) as mentioned above. But the determination of wood species and origin country will allow the manufacturers to consider the issues under the state management as points 2, 3 and 4, while examining specific supply chain will allow evaluation of point 6, 7, 8 and 10.

CERTIFICATES IN FURNITURE

Certification system in EUTR

This regulation makes the minimum requirements that a certification program must meet in order to prove its suitability with one or all three elements of a reliable verification system, including: the requirements to be granted certification, at a minimum, including all related requirements to applicable laws; Appropriate test, including surveys at least 12 months for one time performed by an independent third party; The ways, certified by a third independent party, in order to trace the origin of timber and wood products at any point in the supply chain before a product is provided on the EU market; Control mode, certified by a third party independent, in order to ensure that no illegal wood or no wood of unknown origin in the supply chain.

The purpose of the above criteria is to assess the capacity of any certification program about the appropriateness of

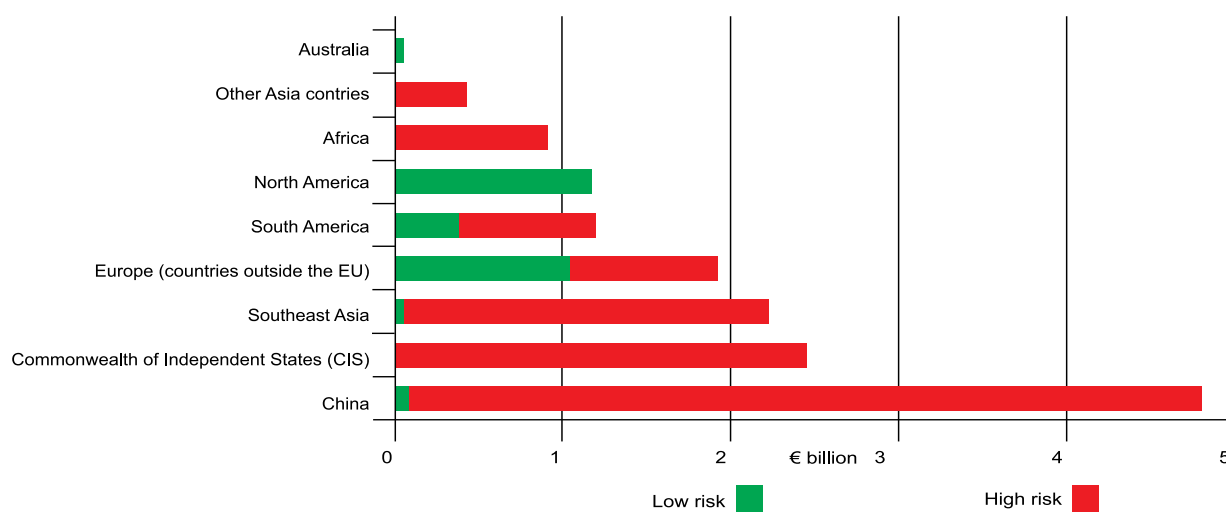
requests for information verification, such as EUTR. Both two organizations of Forest Stewardship Council (FSC) and Program for the Endorsement of Forest Certification (PEFC) will meet these criteria.

Certificate in Supply Chain of “high risk” furniture

The certificates which have brief assessment contents of the “Chain of Custody” (CoC) are issued to wooden furniture manufacturers, suggesting that “high risk” countries have high export turnover of furniture (Chart 1), it is limited in applying the issued certificates by PEFC. This means that the nature and the strength of this program are not closely connected with the EUTR compliance involving in imported furniture from that country. However, with the upcoming significant cooperation in China - at least through official certification system according to the PEFC standards of China Forest Certification Council - this program is likely to be increasingly used as a tool to assess compliance with the law.



Chart 1: Timber import turnover from “high risk” and “low risk” countries in the region in 2011.



(Source: Eurostat)

In contrast, according to FSC Global Certificate Register, a significant number of CoC have been issued in descending order in China, Vietnam and Japan. The number of CoC certified companies in India, Hong Kong, Indonesia and Taiwan are less, and there are only some companies which have this certification in Malaysia, Thailand and Singapore.

However, CoC certification only relates to the right and the ability of a company in the handling of raw materials and/or products with a legal certificate of origin. Therefore, a significant number of companies which are certified CoC do not mean that only these companies are trading the certified raw materials/products. But at the same time, the CoC data highlights the importance of FSC system in adopting current certification process, with the aims at EUTR compliance in short and medium term.

To maintain the reliability of the certified assessment programs, it requires internal governance, transparency as well as internal monitoring must be constantly reviewed. If this system is not controlled tightly and the sale of certified products

is considered as evidence of the EUTR compliance, it will increase the abuse in the countries of high risk.

CHALLENGES

Announcing percentage portion

The requirements of announcing percentage portion have been developed in some certified programs, especially programs of FSC, PEFC and Sustainable Forestry Initiative (SFI), to adapt to the complex supply chain for composite products such as furniture. These programs allow certified materials to mix with wood from different sources, were selected according to the different risk assessment criteria for types of “controversial” wood - including illegally harvested timber. The most recent program of PEFC includes the options of “the supply which is verified and licensed by the government or non-governmental agencies.” This may indicate the weaknesses of this program, although the critical evaluation of the category, the certification and/or other accepted proofs for this wood have been made.

FSC has been recovering the “self-

evaluation” option and replacing it with the national risk assessment function. This process will be completed by the end of 2014, and it is currently being used in places which apply the risk assessment. Until everything is ready, the risk assessment can be made by the certified agencies and the level of supervision of such an assessment can significantly change, this depends on the available resources in each organization and the context of the risk assessment in each country.

The option of an abstract credit system in some CoC standards will separate the elements of origin forest and operators in the next steps. The certified manufacturers as using this system can calculate - based on a combination between certified and controlled wood in order to determine the certified proportion of wood in finished products, and sell output finished products at an equivalent rate accompanying with the statement of “mix ratio commitment”. Obviously, if the wood evaluation system is strong enough, it will establish the legality of the product. However, there has been no link among necessary information of supply chain for evaluation and

verification of the EUTR and products in question.

Relating to risky assessment and reduction, announcing the percentage does not conflict with the core requirements of EUTR because this regulation and supported laws and guideline are not binding any liability for the operators in determining the accurately percentage of each wood species in a synthetic product. Instead, the operators must list all species which can be used in each product - does not depend on the exact ratio. However, in the broader context of the EUTR targets and materials, we should assume that more exact proportion of each wood species in a synthetic product is the key to assess and reduce risk - in a “sufficient and adequate” manner - the risk of illegal wood in the supply chain.

Buyer confusion

Although the FSC and PEFC program attempt to clarify the transaction of the certified and trusted products, any complaints about bills or products may be solved

correctly, the substantial evidence which is collected from the competent authorities to execute the EUTR shows that there is still considerable confusion about the nature and scope of information, and the necessary steps to avoid purchasing products and using fraudulent certificates. Obviously, according to the EUTR, the operators must have responsibility to know what is being traded, but meanwhile, the competent authorities and organizations have responsibility for providing consistency contents to apply for reliable certification, risks and benefits associated with the purchase of certified products from the high risk countries.

There is a particular concern about the frequency of using CoC as the only evidence of the controlled products under a certified or compatible program with the EUTR provisions. The EUTR effective enforcement requires the competent authorities to clarify that a CoC certificate has no value of origin or illegal risk from related products. For example, the furniture which was

purchased from a manufacturer in China and Vietnam are accompanied by a CoC certificate, it can only be considered a certified product when that product comes with the full effect profile, in which the material is from a certified forest, or originating from a controlled production system to ensure, and each trading relationship in the supply chain from the forest to the operators’ transaction have valid CoC certificate.

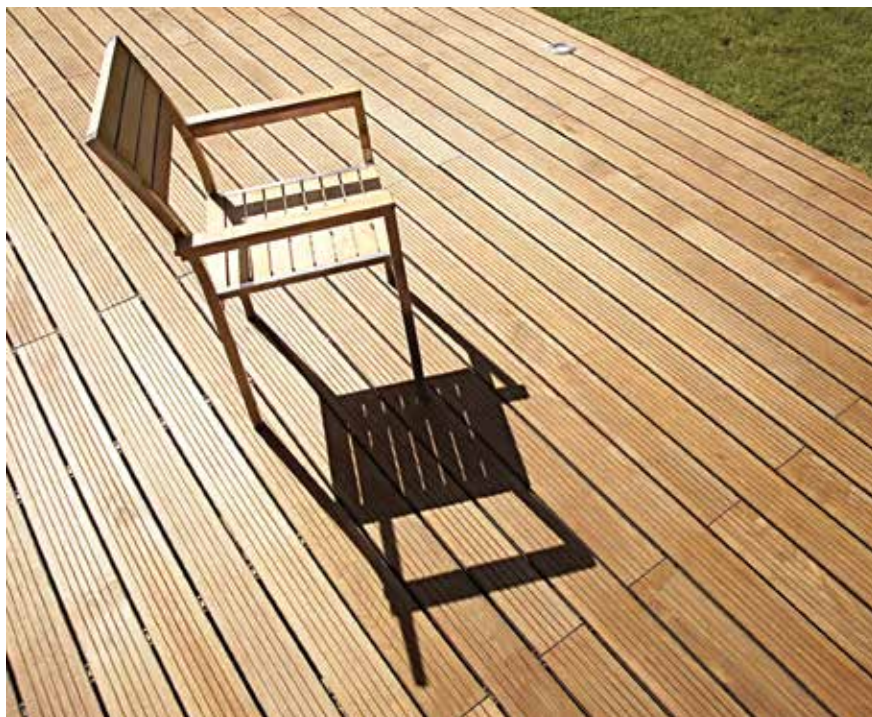
CONCLUSION

Synthetic products hold a large proportion and increasingly play an important role in the field of import under the provisions of the EUTR. The reliability of the regulations in furniture depends on the compliance with the law.

From the view of implementation, the qualitative analysis is less feasible in furniture and other complex products. Therefore, this analysis is used as a strategic measure and is a useful tool for the operators to verify information on the highest risk products of the suppliers.

But most of the furniture has been purchased on the basis of the verified assessment, the current system of certification or the certified assessment process. For this reason, the compliance with technical standards which is set up by an evaluation and certification system is a critical component related to the EUTR effectiveness and reliability.

The operators need to understand that inspite of having the certificate, the serious compliance of the EUTR requires the risky assessments on a large scale for all product groups. The “sufficient and adequate” verification largely depends on the context of risk in each country and the efforts of relating certified programs to identify and solve with fraud issues. ▼





NGÀNH GỖ: Chưa chủ động được nguyên liệu

▼ THỰC QUYỀN

Thị trường xuất khẩu đồ gỗ hơn một năm nay có dấu hiệu tốt hơn nhờ một số thị trường chính, như: Mỹ, Nhật Bản tăng đơn hàng. Bên cạnh đó, còn có cả những đơn hàng được chuyển từ Trung Quốc sang, song thách thức cho các doanh nghiệp (DN) chế biến gỗ lúc này chính là nguồn nguyên liệu.

PHỤ THUỘC BẮP BÈNH

Nhập khẩu nguyên liệu gỗ từ nước khác không phải là chuyện lớn bởi hầu hết Chính phủ các nước hạn chế khai thác nguồn nguyên liệu quốc gia cũng là để giảm hậu quả của việc khai thác rừng đến môi trường sống. Tuy nhiên, đối với Việt Nam, chuyện phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nước ngoài là không nhỏ vì chế biến gỗ đang trở thành ngành xuất khẩu tiềm năng, tạo nhiều giá trị cho nền kinh tế và việc làm cho người lao động vốn là lực lượng chủ lực của ngành chế biến gỗ.

Nguồn nguyên liệu cho các doanh nghiệp chế biến gỗ ở Việt Nam trước hết là gỗ khai thác trong nước đạt sản lượng 300.000m³/năm. Nhưng đây không phải là đầu vào chính cho các doanh nghiệp, vì từ sau 2001 với mục đích bảo vệ nguồn

rừng tự nhiên của quốc gia, Chính phủ đã khống chế sản lượng gỗ khai thác và không thay đổi qua các năm. Bởi vậy, nguồn chính cung cấp gỗ nguyên liệu cho các nhà máy chế biến gỗ ở Việt Nam là từ nước ngoài.

Hàng năm ngành chế biến gỗ của Việt Nam phải nhập khẩu trên 3 triệu m³ gỗ các loại, mức nhập khẩu này dự đoán sẽ tiếp tục tăng cao hơn, khi Việt Nam đặt mục tiêu xuất khẩu thành phẩm đạt 15-20 tỷ USD trong vòng 10 năm tới. Việt Nam nhập khẩu đa dạng nguyên liệu gỗ từ nhiều quốc gia khác nhau, trong đó tập trung vào ba khu vực chính là Asean, châu Âu và Bắc Mỹ. Quốc gia cung cấp nguyên liệu gỗ cho Việt Nam nhiều nhất là Campuchia, Lào, Malaysia, Indonesia... và đặc biệt là thị trường Mỹ - một thị trường mạnh về nguyên liệu gỗ cứng, với sản lượng cung cấp cho Việt Nam 6 tháng

đầu năm 2014 lên tới 199.131 m³ tăng 11% về khối lượng và 19% về giá trị. Dự kiến Mỹ sẽ trở thành thị trường cung cấp nguyên liệu gỗ chính của Việt Nam.

Theo đánh giá của Bộ Công thương, nhu cầu nhập khẩu gỗ nguyên liệu của Việt Nam không ngừng tăng lên trong khi nguồn cung trên thế giới ngày càng trở nên khó khăn và diễn biến bất lợi cho người nhập khẩu. Nguồn gỗ từ Lào và Campuchia đang cạn kiệt, giá gỗ nguyên liệu trên thị trường Malaysia - thị trường nhập khẩu gỗ nguyên liệu lớn nhất của Việt Nam - đang tăng mạnh, giá xăng dầu tăng làm tăng cước phí vận chuyển đường biển đối với gỗ nguyên liệu nhập khẩu ở các thị trường xa, nhiều nước như Cộng hòa Liên bang Nga tăng thuế xuất khẩu gỗ nguyên liệu... Theo đánh giá của các chuyên gia, giá gỗ nguyên liệu nhập khẩu của Việt Nam, tùy chủng loại, đã tăng từ

40% đến 100%, đây được coi là một bất lợi rất lớn làm giảm giá trị gia tăng của ngành gỗ.

Theo tính toán của Hiệp hội gỗ & Lâm sản Việt Nam (VIFORES), để đạt được giá trị kim ngạch theo chiến lược đề ra, lượng gỗ cho chế biến năm 2010 là 6,4 triệu m³ và năm 2020 là 16,1 triệu m³. Với tình hình tài nguyên rừng như hiện nay thì lượng gỗ trong nước năm 2015 cung cấp được 5 triệu m³ và năm 2020 cung cấp được 12 triệu m³. Như vậy, trung bình mỗi năm Việt Nam vẫn phải nhập khẩu nhập từ 4-5 triệu m³ gỗ/năm.

Theo thống kê chưa đầy đủ, Việt Nam có trên hàng ngàn doanh nghiệp và cơ sở làm hàng gỗ trong đó khoảng trên 700 doanh nghiệp trực tiếp tìm các nguồn nguyên liệu từ hơn 75 nước trên thế giới. Chính bởi nhu cầu lớn và riêng lẻ này đang tạo thế bất lợi cho doanh nghiệp Việt Nam về mặt giá cả khi doanh nghiệp không nắm bắt được thông tin và cơ hội để trở thành khách hàng béo bở của các nhà xuất khẩu gỗ nguyên liệu.

GỖ NGOẠI ÂM THẦM TĂNG GIÁ

Có một thực tế là giá gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ năm 2013 đến nay vẫn tiếp tục tăng, trong khi nguồn gỗ nguyên liệu trong nước, như: cao su, xà cừ, trầm... lại đang cạn dần. Điều này vô hình chung đã đẩy giá gỗ nhập khẩu lên cao, gây không ít thiệt hại cho doanh nghiệp xuất khẩu.

Ông Lê Hồng Phát, Giám đốc Công ty cổ phần chế biến gỗ Hoàng Nhật Phát (huyện Long Thành), cho biết các loại gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ đầu năm đến nay tăng giá khá nhiều dẫn đến DN chế biến gỗ bị giảm lợi nhuận. Các loại gỗ, như: thông, dẻ gai, trầm... đã tăng từ 5 - 10 USD/m³. Cụ thể, giá gỗ thông nhập khẩu loại đã xẻ, sấy vào cuối năm 2013 vẫn ở mức 230 USD/m³ thì hiện tại lên gần 240 USD/m³, hay gỗ dẻ gai đã từ 420 USD/m³ lên xấp xỉ 430 USD/m³, gỗ trầm từ 500 USD/m³ tăng lên 506 USD/m³. “Đơn hàng từ năm ngoái đến nay không khó khăn như thời điểm năm 2012 trở về trước, nhưng giá nguyên liệu, đặc biệt là gỗ tăng nhiều khiến đàm phán hợp đồng khó khăn hơn. Tính toán lợi nhuận lúc này rất khó” - ông Phát chia sẻ. Mối giữa năm nhưng DN của ông Phát đã có hợp đồng sản xuất đến hết quý III. Ông Phát còn cho hay, một số DN khác đã có đơn hàng đến tháng 11 năm nay.

Thống kê của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ trong 7 tháng đầu năm đạt kim ngạch 3,38 tỷ USD, tăng hơn 14,4% so với cùng kỳ năm 2013. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ đạt 2,37 tỷ USD, tăng 18,8% so với cùng kỳ năm 2013, chiếm 70,17% tổng kim ngạch xuất khẩu G&SPG của cả nước, tăng 2,7% so với tỷ lệ 68,33 của cùng kỳ năm 2013. Như vậy, khả năng đạt 6,2 tỷ USD kim ngạch xuất khẩu năm 2014 của ngành này là rất có triển vọng. Theo các DN chế biến gỗ, tuy kim ngạch có đạt cao nhưng lợi nhuận sẽ vẫn bị giảm do giá nguyên liệu và các chi phí khác tăng.

Đối với các sản phẩm do khách hàng chỉ định loại gỗ sản xuất, DN không được tự lựa chọn loại gỗ thay thế còn phức tạp hơn. Ông Đỗ Văn Hùng, Giám đốc DNTN Minh Tiến, chuyên sản xuất đồ gỗ xuất khẩu (phường Tân Biên, TP.Biên Hòa), cho hay giữa tháng 5 vừa qua ông xuất 2 lô hàng là tủ rượu và bàn ghế bằng gỗ sồi, gỗ tần bì qua Mỹ, tính ra suýt bị lỗ do giá 2 loại gỗ này tăng quá cao. Hợp đồng được ký từ tháng 11 năm

2013, lúc đó giá gỗ tần bì của Mỹ (loại đắt nhất) là 428 USD/m³, nhưng đến tháng 3-2014, loại gỗ này tăng khoảng 100 USD/m³, đến đầu tháng 6 vừa qua tăng thêm gần 25 USD/m³ nữa. Tương tự, gỗ sồi thời điểm tháng 3 cũng tăng 60 USD/m³ và đến nay mức tăng là 105 USD/m³. Ông Hùng giải thích: “Tôi làm hàng xuất sang Mỹ, khách yêu cầu sử dụng 2 loại gỗ là tần bì và sồi. Gỗ nguyên liệu và sơn đều nhập khẩu từ Mỹ, tránh phải xác minh nguồn gốc và chất độc hại của sơn để đáp ứng quy định của nước này, vì bị chỉ định nên phải chấp nhận”.

GỖ NỘI CẠN NGUỒN

Ông Lê Khắc Khang, trợ lý Tổng giám đốc Công ty chế biến gỗ FJ Wood (Trảng Bom, Đồng Nai), cho biết 2 loại gỗ trong nước được các DN làm hàng xuất khẩu sử dụng nhiều là cao su và xà cừ. Tuy nhiên, nguồn cung 2 loại gỗ này ngày càng giảm khiến giá cũng tăng theo. So với cuối năm 2013, hiện tại mỗi mét khối gỗ cao su tăng thêm 350 - 400 ngàn đồng và gỗ xà cừ trên dưới 500 ngàn đồng. Hiện nay, giá gỗ cao su đang ở mức xấp xỉ 6 triệu đồng/m³, gỗ xà cừ 5,5 triệu đồng/m³. Ông Khang lý giải: “Mấy năm trước, các công ty cao su khai thác gỗ vườn cao su già để trồng mới khá nhiều nên lượng gỗ dồi dào, đến nay việc khai thác chậm lại. Bên cạnh đó, nhiều tổng công ty cao su đã có các nhà máy chế biến nên một phần họ để lại phục vụ sản xuất. Gỗ xà cừ trên thị trường từ năm 2013 đã thấy giảm mạnh do người dân trồng không nhiều”.

Theo thống kê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, mỗi năm Việt Nam nhập khẩu khoảng 4 triệu m³ gỗ, chiếm 80% nguồn gỗ nguyên liệu cho chế biến hàng xuất khẩu. Năm 2013, ngành chế biến gỗ phát triển tốt với kim ngạch xuất khẩu đạt mức cao nhất từ trước tới nay là 5,7 tỷ USD. Hiệp hội Gỗ và lâm sản Việt Nam nhận định, kim ngạch xuất khẩu năm 2014 của ngành sẽ đạt khoảng 6,2 tỷ USD, tăng 9% so với năm 2013. ▣



TIMBER INDUSTRY: NO ACTIVE MATERIALS

THUC QUYEN

Furniture export market has better signal due to some key markets for a recent year, such as America, Japan with increased orders. Besides, there are also orders from China, but the current challenge for enterprises of timber processing is raw material.

PRECARIOUS DEPEND

The import of timber material from other countries is not a big deal because most governments restrict the exploitation of timber materials to reduce the consequence of the forest harvest to the environment. However, for Vietnam, the dependence on foreign timber materials is very large because the wood processing industry has been becoming potential exports, making value for the economy and jobs for workers which are the main force of the wood processing industry.

Timber materials for the wood processing enterprises in Vietnam are primarily harvested timber in the country with 300,000m³ per year. But this is not the main input for the enterprises, because since 2001 with the aim at protecting the national forests, the Government has the control of timber production and have not changed for over the years. Therefore, the main sources of timber material for the wood processing factories in Vietnam are from abroad.

Every year Vietnam wood processing industry has to import more than 3 million m³ of wood types, the import is expected to continue rising higher, while Vietnam targets to export finished products to reach USD 15-20 billion in the next 10 years. Vietnam imports wood materials from many different countries, focusing on three main areas of Asean, Europe and North America. The countries which supply the most timber for Vietnam are Cambodia, Laos, Malaysia, Indonesia ect and especially the United States - a strong

market of hardwood materials with the productivity in 6 first months of 2014 up to 199, 131 m³ increased 11% in volume and 19% in value. The US is expected to become the supply market of timber material of Vietnam.

According to the Ministry of Industry and Trade, Vietnam demand for importing wood materials continuously increases while the supply in the world has become increasingly difficult and had adverse changes to the importers. Timber source from Laos and Cambodia are exhausted, timber material prices on the Malaysian market are rising strongly - Vietnam imports the largest timber material from this market, an increase of oil prices makes shipping charges for wood import from distant markets rise, many countries such as the Republic of the Russian Federation increases export taxes of wood materials ... According to experts, the price of Vietnam's timber imports has increased from 40% to 100% for different species,, this is considered to be a huge disadvantage to reduce the added value for wood industry.

According to the calculation of Vietnam Timber and Forest Products Association (VIFORES), to achieve turnover value as the plan, the processing timber is 6.4 million m³ in 2010 and 2020 will be 16.1 million m³. For the current forest resources, the amount of domestic wood in 2015 will be planned 5 million m³ and 12 million m³ in 2020. Thus, Vietnam still has to import 4-5 million m³ of timber per year.

According to incomplete statistics, Vietnam has over thousands of businesses

and establishments which make wood products, over 700 enterprises directly look for timber materials from more than 75 countries in the world. Due to such great and individual demand, it is creating disadvantages for Vietnam enterprises in price, when these firms do not update the information and catch opportunities, it is easy to become potential customers for timber exporters.

FOREIGN TIMBER QUIETLY RAISES PRICES

It is a fact that the price of imported timber materials continuously has increased since 2013, while domestic timber materials such as rubber, mahogany, Acacia etc become exhausted. This has pushed up the prices of imported timber and caused many damages to exporters.

Mr. Le Hong Phat, director of Hoang Nhat Phat Wood Processing JSC (Long Thanh district), said that imported wood materials have increased much prices this year, many timber processing businesses are reduced their profits. The types of wood, such as pine, beech, alder etc has increased by US\$ 5-10 per m³. Specifically, the price of imported sawn and dried pine remained at US\$ 230 per m³ at the end of 2013, is currently up nearly US\$ 240 per m³, or beech increases from US\$ 420 per m³ to approximately US\$ 430 per m³, alder increases from US\$ 500 per m³ to USD 506 per m³. Mr Phat shared "The orders are not as difficult as 2012 or before, but the prices of raw materials, especially timber increases, which makes contract

negotiations become more difficult. It is very difficult to make profits this time". In the mid months of 2014, his enterprise has signed the contracts of production to the end of the third quarter. Mr. Phat also said some other companies have orders to November this year.

According to the statistics from the General Department of Vietnam Customs, the export turnover of timber and timber products in the first 7 months of 2014 achieved US\$ 3.38 billion, up 14.4% compared to the same period in 2013, in which, export turnover of wood products reached US\$ 2.37 billion, up 18.8% compared to the same period in 2013, accounting for 70.17% of total export turnover of wood and wood products in the country, up 2.7% compared with 68.33% in the same period in 2013, thus it is very potential to achieve the export turnover of US\$ 6.2 billion in 2014. According to the wood processing enterprises, inspite of high export turnover, the profit will still be reduced due to increasing the cost of raw materials and other costs.

For products which customer orders the type of production wood, companies are not free to choose the kind of alternative wood, it is more complex. Mr Do Van Hung, director of Minh Tien Private

Company, specializes in manufacturing wooden furniture for export (in Tan Bien ward, Bien Hoa city) said that his company exported two wine cabinets, tables, chairs made by oak and ash to the US in the middle of May 2014. It is calculated for nearly the loss because the price of these timber materials is too high. The contract was signed in November 2013, then the price of American ash (most expensive timber) is US\$428 per m3, but on March 2014, it rose up about US\$ 100 per m3, in the early of June the price increased more nearly US\$ 25 per m3. Similarly, in March oak also increased by US\$60 per m3 and until now the price is up US\$105 per m3. Mr Hung explained: "As export to the United States, customers require to use ash and oak. Timber materials and paint are imported from the United States, to avoid from verifying the origin and toxic paint in order to meet the regulations of this country, all is designated, so we must accept".

DOMESTIC WOOD BECOMES EXHAUSTED

Mr. Le Khac Khang, Assistant Director General of FJ Wood Processing Company (Trang Bom, Dong Nai), said that two types of domestic timber

which businesses use much for export are rubber and mahogany. However, the supply of two species of wood reduces, which make prices increase. Compared to the end of 2013, the current rubber price increases 350-400,000 VND and mahogany increases about 500,000 VND. Currently, the price of rubber is approximately 6,000,000 VND per m3, mahogany price is 5,500,000 VND per m3. Mr. Khang explained "A few years ago, rubber companies harvested old rubber to new plantation, so timber was quite abundant, until now slow exploitation. In addition, many rubber corporations have processing plants, so they keep a part of timber for production. Mahogany has declined strongly because planters don't grow much on the market since 2013".

According to the statistics from the Ministry of Agriculture and Rural Development, Vietnam annually imports about 4 million m3, accounting for 80% of wood materials for export processing. In 2013, the wood processing industry developed well with export turnover at the highest level of US\$ 5.7 billion. Vietnam Timber and Forest Products Association said that the export turnover of the sector in 2014 will reach about US\$ 6.2 billion, up 9% compared with 2013. 



INDONESIA: SẼ ĐÁP ỨNG 5% NHU CẦU CỦA THỊ TRƯỜNG ĐỒ NỘI THẤT TOÀN CẦU TRONG 10 NĂM TỚI

Hiệp hội các doanh nghiệp nội thất Indonesia (Asmindo) đặt mục tiêu đáp ứng 5% nhu cầu nội thất thế giới trong 10 năm tới.

Chủ tịch Asmindo, ông Taufik Gani, cho biết thương mại đồ nội thất quốc tế hiện nay của Indonesia so với các nước như Việt Nam, Ba Lan và Brazil, đóng góp con số còn khiêm tốn, khoảng 2%, Trung Quốc đóng góp khoảng 30% thương mại thế giới về nội thất gỗ.

Người ta ước tính rằng ngành công nghiệp chế biến gỗ của Indonesia có khoảng 4 triệu lao động trực tiếp và gián tiếp làm trong một trong các lĩnh vực ưu tiên phát triển này của Indonesia.

Trước đây, Asmindo đã đặt mục tiêu xuất khẩu đồ nội thất là 2 tỷ USD, nhưng sau đó đã được điều chỉnh đảm bảo sự thành công và đồng thuận quốc tế trong hệ thống xác minh gỗ hợp pháp (SVLK). Năm ngoái, nước này đã xuất khẩu khẩu đồ nội thất trị giá 1.83 tỷ USD. ▽

INDONESIA: 5% OF GLOBAL FURNITURE MARKET IN 10 YEARS

The Indonesian Furniture Entrepreneurs Association (Asmindo) is aiming to supply 5 percent of the world's furniture demand within 10 years.

Asmindo Chairman, Taufik Gani, said Indonesia's current international furniture trade is small compared to countries such as Vietnam, Poland and Brazil, which contribute around 2 percent, or China which contributes around 30 percent to the world trade in wooden furniture.

It has been estimated that the Indonesian wood processing industry employs around 4 million direct and indirect workers making the sector one of Indonesia's priority areas for development.

Previously, Asmindo had targeted US\$2 billion in furniture exports but this has been revised given the success and international acceptance of the country's timber legality verification system (SVLK). Last year, the industry exported furniture worth US\$1.83 billion. ▽

NHẬT BẢN: SẼ TĂNG THUẾ TIÊU THỤ LÊN 10% VÀO NĂM 2015?

Theo dự báo ngắn hạn về nền kinh tế Nhật Bản từ Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế Nhật Bản (JCER), kinh tế nước này từ tháng 7 - 9 đã phục hồi do tác động của việc tăng thuế tiêu thụ giảm dần và vốn đầu tư có xu hướng đi lên vào đầu năm tới.

JCER lưu ý việc chi tiêu của người tiêu dùng hướng tới các sản phẩm bền vững, trong quý 1/2014, việc tiêu dùng tăng hơn so với cùng kỳ tăng thuế tiêu thụ trước đây vào năm 1997.

Trong năm 2015, thuế tiêu thụ dự kiến sẽ được tăng lên 10% so với mức hiện nay là 8%, khi đó người tiêu dùng lại một lần nữa phải cân nhắc việc chi tiêu, điều này được hi vọng không làm ảnh hưởng lớn tới tăng trưởng chung cho năm 2015, như vậy kinh tế Nhật dự báo sẽ tăng trưởng thêm 1,1% trong năm tài khoá 2015.

Tuy nhiên, sẽ có những rủi ro và JCER đã chỉ ra những tác động đến sự tăng trưởng từ việc tăng thuế tiêu thụ vào năm 2015, đó là: giảm xuất khẩu ròng khi các thiết bị điện tử và các ngành công nghiệp khác tiếp tục giảm sâu; ảnh hưởng đến các thị trường của các nền kinh tế mới nổi từ việc giảm dần các biện pháp QE3 ở Mỹ; sự yếu ớt của thị trường tài chính Trung Quốc; bất ổn địa chính trị, như tình tại Ukraine và sự biến động thị trường ngoại hối. ▽

JAPAN: WILL 2015 CONSUMPTION TAX INCREASE TO 10% DERAILED GROWTH?

The Japan Center for Economic Research (JCER) in its short-term forecast for the Japanese economy forecasts that economic expansion would resume in the July- September quarter as the effects of the consumption tax increase subside and they forecast an upswing in capital investment at the beginning of next year.

JCER notes that the last-minute consumer spending, especially on durable goods, in the first quarter increased more than recorded in the same period prior to the previous consumption tax increase in 1997.

In 2015 the consumption tax is due to be raised to 10% from the current 8% and while there will be once again a degree of last-minute spending by consumers, this is not expected to greatly affect overall growth for 2015 such that the Japanese economy is expected to expand in real terms by 1.1% in fiscal 2015.

There are risks however and JCER point to a possible drag on growth brought on by a 2015 consumption tax hike; a downswing in net exports as the electronics and other industries continue to hollow out; effects on markets in emerging economies from tapering of QE3 measures in the United States; fragility of the Chinese financial market; geopolitical instability, such as the situation in Ukraine and foreign exchange market fluctuations. ▽

TRUNG QUỐC: LƯỢNG GỖ NHẬP KHẨU TỒN ĐỘNG CAO KÉO THEO GIÁ GIẢM

Theo nhà tư vấn Zhu Guangqian, từ Hiệp hội Công nghiệp lâm sản Trung Quốc, thời gian gần đây lượng gỗ nhập khẩu đã vượt quá nhu cầu trong nước và nhiều nhà đầu tư gỗ e ngại sẽ bị mất tiền khi đầu tư vào lĩnh vực này. Mặc dù lượng gỗ tồn kho cao song việc nhập khẩu vẫn được tiếp tục.

Giá gỗ nhập khẩu bắt đầu tăng từ quý II/2013 và các thương nhân Trung Quốc bắt đầu tăng lượng nhập khẩu nhưng lượng tồn nhiều nên từ tháng 4 năm nay giá gỗ nhập khẩu bắt đầu giảm.

Ví dụ, từ giữa năm nay, giá gỗ nhập khẩu từ Bắc Mỹ giảm RMB60- 70/m³, giá gỗ nhập khẩu từ Nga giảm RMB 30/m³ và mức giá hiện tại cho gỗ thông nhập từ châu Âu giảm RMB60/m³.

Các nhà phân tích ước tính lượng gỗ tồn kho hiện nay khoảng 5,000,000 m³, tăng hơn 52% từ đầu năm nay. Hầu hết số tồn này là gỗ nhập khẩu vào quý 1 của năm nay khi giá gỗ ổn định. ▼

CHINA: HIGH STOCKS OF IMPORTED TIMBER DRIVE DOWN PRICES

Zhu Guangqian, a consultant for the China National Forest Product Industry Association has said that current stocks of imported timber exceed domestic demand and many timber traders fear they will lose money on recent imports. Despite the high stocks the level of imports continues to expand.

Prices for imported logs began to increase in the second quarter of 2013 and Chinese traders began to increase imports but as demand cooled stocks rose and from April this year prices for imported logs began to fall.

For example, from the middle of this year prices for imported logs from North America fell between RMB60- 70 per cubic metre, prices for Russia timbers were down RMB30 per cubic metre and the current price for scots pine from Europe is down RMB60 per cubic metre.

Analysts estimate current stock are around 5 million cubic metres, up over 52% from the beginning of this year. Most of this stock is of timber imported in the first quarter of this year when prices were firm. ▼

HAWA PHÁT ĐỘNG GIẢI HOA MAI 2014 -2015

Sáng ngày 10/11 Hội Mỹ nghệ và Chế biến gỗ TP. HCM (HAWA) đã phát động cuộc thi thiết kế mẫu cho hàng nội thất gỗ với tên gọi “Giải Hoa Mai 2014 – 2015”. Giải thưởng năm nay hứa hẹn không chỉ là sân chơi bổ ích dành cho các nhà thiết kế trẻ và những người quan tâm đến ngành thiết kế nội thất mà còn được kì vọng sẽ đem đến những gam màu mới cho ngành thiết kế đồ nội thất Việt Nam.

Theo đó giải Hoa Mai 2014 – 2015 sẽ được tổ chức từ 11/10/2014 đến 10/3/2015, qua 2 giai đoạn: Giai đoạn 1 – “Tác phẩm phối cảnh”: BGK sẽ lựa chọn ra 20 tác phẩm dự thi xuất sắc. Giai đoạn 2 – “Sản xuất sản phẩm mẫu”: Các tác phẩm sẽ được đưa vào sản xuất với sự tư vấn, hỗ trợ từ các chuyên gia đến từ HAWA và các doanh nghiệp trong ngành.

Nét mới của giải Hoa Mai 2014-2015 là chương trình Roadshow đến các trường học sau họp báo, Khóa tập huấn giành cho các nhà thiết kế; Chương trình Tham quan Showroom nội thất – cập nhật các xu hướng thiết kế mới và Tham qua nhà máy – Tìm hiểu quy trình sản xuất sản phẩm gỗ. Đặc biệt hơn các tác phẩm đoạt giải không chỉ được trưng

bày và triển lãm tại Hội chợ VIFA FAIR mà còn được trưng bày tại Hội chợ IFFS – Singapore tháng 3/2015. Đây là một bước tiến mới của Giải nhằm đưa các thiết kế của Việt Nam đến với thị trường thế giới, từng bước nâng cao và khẳng định giá trị thiết kế Việt Nam. ▼



Ông Nguyễn Quốc Khanh - Chủ tịch HAWA phát biểu tại buổi Họp báo phát động giải Hoa Mai Ảnh: HAWA

CẢNH BÁO CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU (EU) VỀ BAO BÌ BẰNG GỖ XUẤT KHẨU SANG EU

Từ đầu năm 2014, Tổng vụ sức khỏe và Người tiêu dùng (DG SANCO) đã nhận được thông báo từ một nước thành viên EU phát hiện vi khuẩn gây hại trong gỗ dùng làm bao bì đóng gói hàng xuất khẩu từ Việt Nam sang EU. Theo Công ước quốc tế về bảo vệ thực vật (IPPC), bao bì hàng xuất khẩu bằng gỗ cần được sấy ở nhiệt độ cao nhằm diệt vi khuẩn gây hại và đóng tem kiểm định an toàn của cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu. Qua theo dõi, đến nay, DG SANCO nhận thấy bao bì hàng xuất khẩu bằng gỗ từ Việt Nam chưa được đóng tem kiểm định này theo quy định của IPPC. Theo quy định của Ủy ban Châu Âu (EC) nếu phát hiện vi khuẩn gây hại trên 05 mẫu hàng nhập khẩu liên tiếp từ một nước vào EU trong thời gian 1 năm thì EC sẽ ra lệnh cấm nhập khẩu mặt hàng này vào EU.

Nếu sự việc này xảy ra có thể bao bì hàng xuất khẩu bằng gỗ của Việt Nam sẽ không được sử dụng để xuất khẩu sang các nước EU. Do vậy các doanh nghiệp xuất khẩu gỗ Việt Nam xuất khẩu vào thị trường EU cần tuân thủ quy định của EC về việc xử lý gỗ trước khi làm bao bì hàng xuất khẩu. **VIFORES**



QUẢNG TRỊ: TỒN ĐỘNG TRÊN 200.000M³ GỖ NHẬP KHẨU

Ông Võ Thái Hiệp, Chủ tịch Hội doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập gỗ tỉnh Quảng Trị cho biết: “Từ những tháng cuối năm 2013 cho đến nay 150 doanh nghiệp nhập khẩu gỗ ở Quảng Trị từ Lào về còn tồn đọng trên 200.000m³ gỗ các loại, gồm: trắc, cẩm, hương...với tổng giá trị khoảng 50.000 tỷ đồng.

Thị trường tiêu thụ gỗ sau khi nhập từ Lào về bao gồm: xuất qua Trung Quốc chiếm hơn 80%, số còn lại tiêu thụ nội địa. Tuy nhiên do những tháng cuối năm 2013 cho đến nay giá gỗ giảm nhiều so với trước đây, đồng thời khách hàng Trung Quốc ít đến mua gỗ hơn trước đây.

Tình trạng gỗ tồn đọng kéo dài hàng tháng trời đã làm ảnh hưởng rất lớn đến các doanh nghiệp nhập khẩu gỗ, nhất là những doanh nghiệp vay tiền có lãi xuất cao để kinh doanh nhập khẩu gỗ. Theo ông Hiệp số doanh nghiệp nằm trong tình trạng khó khăn chiếm hơn 30% trong 150 doanh nghiệp kinh doanh XNK gỗ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. **Hữu Tiến**

QUANG TRI: BEING IN STOCK OVER 200.000M³ OF IMPORTED WOOD

Mr Vo Thai Hiep, Chairman of Quang Tri export-import wood enterprises association said: “Since the last months of 2013, 150 businesses of wood import from Laos in Quang Tri remain to be in stock 200.000m³ wood species, including: dalbergia cochinchinensis, Dalbergia oliveri, Burma padauk etc with a total value of 50,000 billion VND.

The timber consumption market after imported from Laos include: exporting to China accounts for more 80% and the rest is consumed domestically. However, timber price has fallen more and Chinese consumers have bought less wood than previous time since the last months of 2013.

The timber status has been in stock for many months, which has made a big impact to the timber import enterprises, especially the ones which loaned with high interest rates for timber import business. According to Mr Hiep, 30% businesses in 150 import and export timber enterprises are in a difficult situation in Quang Tri province. **Huu Tien**

ĐÁNH GIÁ 3 NĂM THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

Ngày 17/9/2014, tại Hà Nội, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam tổ chức Hội thảo “Tham vấn quốc gia về kết quả đánh giá 3 năm thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng”.

Đây là Hội thảo tham vấn lấy ý kiến các cơ quan ban ngành và các tổ chức Quốc tế sau hơn 3 năm chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) theo quy định tại Nghị định 99/2010/NĐ-CP của Chính phủ được triển khai đồng bộ trên phạm vi cả nước; làm cơ sở đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành tăng cường chỉ đạo điều hành, sửa đổi, bổ sung chính sách góp phần nâng cao đời sống người dân để họ sống gần gũi với rừng. ▽

3-YEAR EVALUATION OF THE IMPLEMENTATION OF THE PAYMENT FOR FOREST ENVIRONMENTAL SERVICES

On 17/09/2014, in Hanoi, Viet Nam Forest Protection and Development Fund organised the semina “National Consultation on 3-year evaluation of the implementation of the payment for forest environmental services”.

This is a consultative semina in order to take ideas of agencies and international organizations after over 3 years of implementing payment policies for forest environmental services (PES) as stipulated in Decree No. 99/2010 / ND-CP and synchronously deployed in the whole country; as a basis for recommendations to the Government, the Prime Minister, the ministries to strengthen guidance, management, amendment, supplement of policies, to contribute to improving the people's livelihood who live and close to the forests. ▽

TIẾN ĐỘ TRỒNG RỪNG 9 THÁNG NĂM 2014 TĂNG 8,6%

Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong 9 tháng năm 2014, tiến độ rừng trồng mới tập trung ước đạt 165,1 nghìn ha, tăng 8,6% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, trồng mới rừng phòng hộ, đặc dụng đạt 11,9 nghìn ha, giảm 11,5% so với cùng kỳ năm trước; trồng mới rừng sản xuất đạt 153,2 nghìn ha, tăng 10,6% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng gỗ khai thác ước đạt 3.939 nghìn m3, tăng 8,1% so với cùng kỳ năm trước.

Đến hết ngày 20/9, các tỉnh miền Bắc đã trồng được 138,6 nghìn ha rừng, tăng 8,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó Bắc Trung Bộ là vùng có tiến độ trồng rừng nhanh nhất, đạt 33,9 nghìn ha tăng 54,6% so với cùng kỳ năm trước, tiếp đến là Đồng bằng sông Hồng đạt 16,9 nghìn ha (tăng 32,5%), Trung du và miền núi phía Bắc đạt 87,9 nghìn ha (giảm 6%).

Còn tại miền Nam, đến ngày 20/9 các địa phương trồng được 26 nghìn ha. Trong đó: Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ trồng đạt 13,9 nghìn ha, Đông Nam Bộ đạt 1,87 nghìn ha, Tây Nguyên đạt hơn 10 nghìn ha và Đồng bằng sông Cửu Long đạt 0,3 nghìn ha. Một số địa phương có diện tích trồng rừng khá là Bình Định đạt 8,5 nghìn ha, Lâm Đồng 3,5 nghìn ha, Đắk Lắk 3 nghìn ha.

Bên cạnh việc trồng rừng mới tập trung, các địa phương tiếp tục chăm sóc cây giống phục vụ cho kế hoạch trồng rừng mới tập trung năm 2014. (ĐCS)

SCHEDULE OF FOREST PLANTATION IN 9 MONTHS OF 2014 INCREASED BY 8.6%

According to the report of the Ministry of Agriculture and Rural Development, in the first 9 months of 2014, the schedule of new forest plantation was estimated at 165,100 hectares, an increase of 8.6% compared to the same period last year.

In particular, new plantation of protection and special-use forests achieved 11,900 hectares, down 11.5% compared to the same period last year; new plantation of production forest reached 153,200 hectares, an increase of 10.6% over the same period last year. Logging productivity was estimated at 3,939,000 m3, an increase of 8.1% compared to the same period last year.

To the end of 20 September, the Northern provinces grew 138,600 hectares, an increase of 8.2% compared to the same period last year, in which North Central region has the fastest forest plantation progress, reaching 33,900 ha, increased by 54.6% compared to the same period last year, followed by the Red River Delta 16,900 ha (an increase of 32, 5%), the Midland and Northern mountainous provinces achieved 87,900 ha (down 6%).

In the South, till 20 September, localities planted 26,000 hectares. In which: South Central Coast region reached 13,900 hectares, Southeast reached 1,870 hectares, the Central Highlands gained over 10,000 hectares and the Mekong Delta achieved 300 hectares. Some locals have the large area of forest plantation such as Binh Dinh 8,500 hectares, 3,500 ha in Lam Dong, in Dak Lak 3,000 hectares.

In addition to new concentrated plantation, the locals continue taking care sapling to serve for new afforestation plan in 2014. (Resource: Vietnam Communist Party)

Một vài suy nghĩ VỀ VIỆC CỔ PHẦN HÓA CÁC CÔNG TY LÂM NGHIỆP

▼ TÔ XUÂN PHÚC
Chuyên gia phân tích Chính sách, tổ chức Forest Trends

Đến nay cả nước còn 148 Công ty Lâm nghiệp (CTLN) đang được giao khoảng 1,9 triệu ha đất lâm nghiệp, chủ yếu là đất rừng sản xuất. Khoảng 90% diện tích đất của các CTLN hiện đang được các công ty tự tổ chức sản xuất quản lý, phần còn lại được giao khoán cho các hộ hoặc liên doanh liên kết, cho thuê, mượn.

Chính phủ đã và đang nỗ lực thực hiện chính sách phân quyền trong quản lý và sử dụng tài nguyên rừng. Tuy nhiên, hình thức quản lý lâm nghiệp hiện nay vẫn còn mang đậm tính chất lâm nghiệp Nhà nước, với các CTLN và các Ban quản lý rừng giữ vai trò chủ đạo. Thực hiện phân quyền làm tăng tiếp cận đất đai cho các hộ. Tuy nhiên, con số 3,4 triệu ha đất lâm nghiệp được giao cho 1,4 triệu hộ gia đình chỉ ra một số hạn chế của phân quyền, ít nhất qua 2 khía cạnh: (i) Diện tích đất lâm nghiệp bình quân được giao cho mỗi hộ là rất nhỏ và (ii) Diện tích đất bình quân được giao cho mỗi CTLN nắm giữ là rất lớn. Các hạn chế này thể hiện hạn chế của

chính sách trong việc tạo ra bất bình đẳng trong tiếp cận đất đai giữa một bên là các CTLN và bên kia là hộ gia đình.

Theo Tổng cục Lâm nghiệp, trong năm 2012 diện tích đất tranh chấp, lấn chiếm, xâm canh mà các CTLN quản lý khoảng 7.600 ha. Tuy nhiên, một số nghiên cứu cho rằng con số này nhỏ hơn nhiều so với con số thực tế. Vừa qua, Bộ trưởng Chủ nhiệm Ủy ban Dân có nói thẳng với các đại biểu Quốc hội rằng tình trạng người dân thiếu đất, đặc biệt là vùng Tây Nguyên xảy ra rất phổ biến, và một trong những nguyên nhân là do việc bao chiếm đất đai của các CTLN. Một số CTLN sử dụng đất không hiệu quả, thậm chí còn áp dụng hình thức phát canh thu tô đã gây bức xúc trong xã hội.

Nghị quyết số 30-NQ/TW được Bộ Chính trị ban hành ngày 12 tháng 3 năm 2014 nhằm mục đích tiếp tục đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của CTLN có thể được coi là một hướng đi quan trọng để giải quyết các tồn tại. Một trong những mục tiêu được Nghị quyết đề ra là cổ phần các CTLN, trong đó bao gồm các CTLN hiện quản lý chủ

yếu là rừng trồng.

Cổ phần hóa các CTLN có tiềm năng nâng cao hiệu quả sử dụng đất và bảo vệ rừng. Cổ phần hóa tạo cơ hội mở rộng tiếp cận đất sản xuất cho các hộ thiếu đất, góp phần cải thiện sinh kế và xóa đói giảm nghèo. Cổ phần hóa có thể giúp hình thành và phát triển liên doanh liên





Thực hiện CP hoá các CTLN có thể sẽ không giải quyết được căn bệnh nội tại là tranh chấp đất đai giữa người dân và CTLN.

kết giữa một bên là các công ty có tiềm năng về vốn và kỹ thuật và một bên là các hộ với lợi thế thế đất đai và lao động. Phát triển liên doanh liên kết giữa các hộ và các công ty góp phần đẩy nhanh diện tích rừng trồng, tạo giá trị gia tăng cho các sản phẩm gỗ, thúc đẩy ngành công nghiệp chế biến gỗ phát triển. Tuy nhiên, thực hiện cổ phần hóa như thế nào để đạt được các mục tiêu trên là một bài toán khó được đặt cho Nhà nước nói chung và các nhà quản lý ngành lâm nghiệp nói riêng.

Một số nghiên cứu đã chỉ ra rằng những tồn tại hiện nay của các CTLN bao gồm việc sử dụng đất không hiệu quả do các CTLN phụ thuộc quá lớn vào Nhà nước. Sự phụ thuộc này đã làm mất đi tính năng động của các công ty trong thiết kế và thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tranh chấp đất đai – một trong những vấn đề lớn mà các CTLN đang gặp phải do người dân thiếu đất – trở nên gay gắt ở một số địa phương. Mở rộng thị trường hàng hóa nông sản, bao gồm cả các sản phẩm như gỗ rừng trồng, cao su, sản trong thời gian gần đây làm gia tăng

tranh chấp, bởi đất đã trở thành phương tiện sản xuất quan trọng tạo nguồn thu cho hộ và có giá trị hơn.

Cổ phần hóa với Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối có tiềm năng tạo ra một số thay đổi, đặc biệt là trong việc giảm sự phụ thuộc của các CTLN vào Nhà nước, giúp xóa bỏ được tình trạng được ví von như sống dựa vào “bầu sữa mẹ” là Nhà nước. Tuy nhiên, thực hiện cổ phần hóa với Nhà nước giữ cổ phần chi phối có thể sẽ không giải quyết được căn bệnh nội tại của các CTLN, với tranh chấp đất đai giữa người dân và CTLN là nguyên nhân quan trọng của căn bệnh này. Cổ phần hóa sẽ khó có thể tạo được cơ hội cho người dân, đặc biệt là những hộ dân nghèo tham gia, bởi các hộ thiếu nguồn lực. Tuy họ có thể tham gia góp lao động như là góp cổ phần, nhưng nếu không có các cơ chế chặt chẽ để giám sát và bảo vệ các hộ thì họ có thể bị biến thành người làm thuê trong liên doanh liên kết.

Bên cạnh đó, CTLN đã, đang và sẽ tiếp tục bộc lộ các yếu điểm trong tổ chức

quản lý và sử dụng đất. Đặc tính trì trệ là hiện hữu đối với nhiều CTLN hiện nay. Cổ phần hóa có thể được hiểu như thay một phần máu cho các CTLN, tuy nhiên, để lượng máu (phần ít) vừa được thay vào có thể hòa hợp được vào với lượng máu còn lại (phần nhiều, nếu cổ phần được thực hiện theo hướng Nhà nước giữ cổ phần chi phối), để đạt kỳ vọng là thay đổi toàn bộ ‘cơ thể’ hiện tại, từ cách suy nghĩ đến các hành động thực tế là việc làm vô cùng khó. Đó còn chưa tính đến các rủi ro gây ra bởi lượng máu mới thay vào không tương thích với lượng máu cũ còn lại, gây ra tình trạng cơ thể không hoạt động được theo như kỳ vọng. Nói cách khác, thực hiện cổ phần hóa các CTLN có khả năng tạo ra sự thay đổi; tuy nhiên, cổ phần hóa với Nhà nước nắm vai trò chi phối, và đặc biệt nếu thực hiện cổ phần hóa không được đặt trong mối quan hệ tổng thể với cộng đồng địa phương sống dựa vào rừng, bao gồm cả các hộ thiếu đất như hiện nay, thì cổ phần hóa chưa chắc sẽ giải quyết căn bệnh nội tại của các CTLN. 

SOME THOUGHTS ON THE EQUITIZATION OF FORESTRY COMPANIES

▼ Mr. TO XUAN PHUC
Policy Analyst of Forest Trends

Until now there are 148 forestry companies which are delivered about 1.9 million ha of forest land, mostly production forest land. About 90% of the land area of forestry companies is currently self-managed, the remain is allocated to households or joint venture, lease or borrow.

The government has been making effort to implement policies of decentralization in management and using forest natural resources. However, the current forest management is still the State form, that means forestry companies and forest management board play a key role. The decentralization increases land access for land holders. However, 3.4 million ha of forest land

which has been allocated for 1.4 million households is making some limitations of decentralization, at least through two aspects: (i) assigned forest land per capita is very small and (ii) the average area of land which is allocated to each forestry company is huge. These make inequality in access to land between the forestry companies and the households.



According to Vietnam Administration of Forestry, in 2012, the total land area of disputes, encroachment, which is managed approximately 7,600 ha by forestry companies. However, some studies suggest that this statistics is much smaller than the actual one. Recently, the Minister, Chairman of the Committee for Ethnic Affairs have straightly told the National Assembly that the people, particularly in the Central Highlands are very popular shortage of land, and one of the reasons is due to the land occupation of forestry companies. Some forestry companies use the land inefficiently, even applying for the form of renting land and getting land rent which causes urgent matters in society.

Resolution No. 30-NQ/TW issued on 12 March 2014 for the purpose of continuing innovation and development, enhancing the operational efficiency of the forestry companies, these solutions can be considered as an important ones to solve the existing issues. One of the goals in the Resolution is the equitization of forestry companies, including the forestry companies mainly manage plantations.

The equitization of forestry companies potentially improve the efficiency of land use and forest protection. It expands opportunities to access productive land for landless households, contributing to improved their livelihoods and poverty reduction. It can help build and develop the relationships between the households and forestry companies, between one part which has potential of capital - technology and other part which take the advantages of land and labors. To develop this relationship helps boost plantation area, creates added value for wood products, promote woodworking industry. However, how to implement the equitization in order to achieve these objectives is a difficult problem for the State in general and the forestry management in particular.

Several studies have shown that the



President Trương Tấn Sang at a visit to Bac Ha district - Lao Cai province

existing issue of forestry companies including ineffective land use is due to the much dependence on the State. This has lost their dynamism in the design and implementation of production and business activities. Land disputes are one of the major problems that the forestry companies are facing with, due to the households is lack of land in some localities. Expanding markets for agricultural commodities, including plantation wood, rubber, cassava have increased the dispute recently, because the land has become an important means of production which creates incomes for households and has more valuable.

The equitization, in which State holds majority share has the potential to create some changes, particularly in reducing the dependence of forestry companies on the State. However, this could not solve the immanent issue of the forestry Companies, the land dispute between the people and them is key one. The equitization will be hard to create opportunities for the people, especially the poor households. Although they may

contribute to labor as equity, but if there is not strong mechanisms to monitor and protect the households, they can become employee in that relationship.

Besides, the forestry companies have been exposing their weaknesses in the organization and management of land use. For their stagnancy, the equitization can be understood as a change partly to the forestry companies, however, this change may be in harmony with the remaining part (if the State holds a majority share), to meet the expectation to change totally from thinking to real action is extremely difficult to do. It also does not include the risks of change which are not suitable with the existing forestry companies. In other words, to carry out the equitization of forestry companies has the ability to create change; however, if the equitization of these state forestry companies is not in the overall relationship with the local communities who are depending on forests, including landless households at present, the equitization is unlikely to solve the intrinsic disease of the forestry companies now. 

HỘI CHỢ VIFA HOME 2014:

“Đồ gỗ Việt - Giữ vững sân nhà, không phụ thuộc hàng nhập”

▼ MINH NHẬT

Thời gian qua người tiêu dùng trong nước ngày càng quan tâm hơn đến việc mua sắm và trang trí đồ nội thất mang thương hiệu Việt. Đặc biệt, sau sự kiện Trung Quốc đặt giàn khoan trái phép trong vùng biển Việt Nam, phong trào “tẩy chay hàng Trung Quốc” cũng diễn ra mạnh mẽ. Đây thực sự là một tín hiệu đáng mừng cho các nhà sản xuất đồ gỗ trong nước.

Theo xu hướng đó, các nhà sản xuất cũng dần tập trung hơn vào thị trường trong nước bằng cách mở thêm các cửa hàng bán sản phẩm cho thị trường nội địa. Bên cạnh chất lượng tốt và giá cả phải chăng, thì mẫu mã thiết kế cũng là một yếu tố được nhà sản xuất quan tâm. Người tiêu dùng sẽ cảm thấy thỏa mãn với những sản phẩm đồ gỗ nội thất có kiểu dáng thiết kế hiện đại, sang trọng với tiêu chuẩn xuất khẩu nhưng chi phí

hoàn toàn phù hợp với mức thu nhập của mình.

Tuy nhiên, với tình hình kinh tế vẫn chưa được phục hồi hoàn toàn như hiện nay, các doanh nghiệp đồ gỗ nội thất vẫn đang gặp nhiều khó khăn do sức mua của thị trường kém và nhiều người tiêu dùng chưa quen với thương hiệu đồ gỗ của Việt Nam, chưa nhận diện được chất lượng sản phẩm Gỗ Việt.

Với chủ đề: “Đồ gỗ Việt - Giữ vững sân nhà, không phụ thuộc hàng nhập”. Hội chợ Đồ gỗ và Trang trí nội thất Việt Nam 2014 (VIFA HOME 2014) sẽ là cơ hội cho các doanh nghiệp gỗ tiếp cận với thị trường trong nước một cách hiệu quả, đồng thời góp phần đưa các thương hiệu đồ gỗ & mỹ nghệ của Việt Nam đến gần hơn với người tiêu dùng trong nước.

VIFA HOME 2014 thu hút 150 Doanh nghiệp tham gia với 600 gian hàng trưng

bày từ các sản phẩm đồ gỗ trong nhà & ngoài trời như: nội thất phòng khách, phòng ăn, phòng ngủ, phòng tắm, nhà bếp, đồ gỗ sân vườn, đồ gỗ dành cho trẻ em, đồ gỗ dành cho văn phòng, nhà hàng, khách sạn, café, khu nghỉ dưỡng, resort, biệt thự, căn hộ cao cấp... đến các sản phẩm trang trí nội thất như: màn, vải, thảm, vật liệu lát sàn, ván ốp tường, giấy dán tường, thiết bị nhà bếp, đèn trang trí, tranh & khung tranh, tượng điêu khắc, đá nghệ thuật, cây cảnh, bình hoa, đồ thủ công mỹ nghệ, sơn mài, gốm sứ, mây tre lá, quà tặng ... các dịch vụ tư vấn kiến trúc, thiết kế thi công trang trí nội ngoại thất và các dịch vụ hỗ trợ.

Hội chợ sẽ diễn ra từ ngày 06-09/11/2014 tại Trung tâm Hội chợ & Triển lãm Tân Bình (TBECC) 446 Hoàng Văn Thụ, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh. ▼



VIFA HOME 2014:

“VIETNAM FURNITURE - KEEP HOME, WITHOUT DEPENDING ON IMPORTS”

MINH NHAT

Recently domestic consumers have been increasingly more interested in the purchase and decoration of furniture with Vietnamese brands. Especially, after China deploys drilling rig illegally in the waters of Vietnam, the movement “to boycott Chinese goods” also occurs strongly. This is really a good sign for the domestic furniture manufacturers.

According to this trend, furniture manufacturers also gradually concentrate on the domestic market through opening stores to sell products for the domestic market. Besides good quality and affordable price, design is also a factor to be concerned by manufacturers. Consumers will be satisfied with the modern and luxury furniture design with

export standards, but the cost is suitable with their income.

However, the currently economic situation has not been fully restored yet, the furniture enterprises are still difficult due to low purchasing power in the market and many consumers are not familiar with the Vietnamese furniture brand, they have not identified the quality of Vietnamese wood products yet.

With the theme: “Vietnam Furniture - Keep the home, without depending on imports”. Vietnam International Furniture and Home Accessories Fair 2014 (VIFA HOME 2014) will provide a good opportunity for timber businesses to access domestic market effectively, and contribute to Vietnam furniture & art craft brand closer to domestic consumers.

VIFA HOME 2014 attracts 150

participants with 600 booths, shows products from indoors & outdoors furniture, such as furniture for living room, dining room, bedroom, bathroom, kitchen, garden, children, offices, restaurants, hotels, cafes, resorts, resort, villa, apartment etc to the interior products such as curtain, cloth, carpets, floor coverings, wallboard, wallpaper, kitchen appliances, decorative lamps, pictures & frames, sculptures, art rock, plants, flower box, crafts and fine arts, lacquer, ceramics, rattan, gifts etc the architectural consultancy services, construction design and interior, exterior decoration and supporting services.

The fair will take place from 06-09 October 2014 at Tan Binh Exhibition Convention Centre (TBECC), 446 Hoang Van Thu Street, Tan Binh District, Ho Chi Minh city. 



PEFC bổ nhiệm cố vấn phụ trách khu vực Đông Nam Á

Nhằm tăng cường công tác quản lý rừng và chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm tại khu vực Đông Nam Á, PEFC đã bổ nhiệm ông Richard Laity làm cố vấn phát triển và phụ trách các dự án. Ông Richard làm việc tại Lào, phạm vi hoạt động của ông trong khu vực Đông Nam Á, ông phụ trách phát triển các công việc của đơn vị, đặc biệt các dự

án chứng nhận nhóm. Thêm vào đó, ông Richard sẽ hỗ trợ PEFC và các đối tác trong khu vực, các hoạt động nâng cao nhận thức về chứng chỉ rừng tại Việt Nam, Thái Lan, Malaysia và Indonesia. Ông cũng sẽ đảm nhận vai trò cố vấn cho PEFC về cấp chứng chỉ rừng cho Lào.

Tại Đông Nam Á, PEFC đưa ra các sáng kiến thúc đẩy chứng chỉ rừng châu Á nhằm nâng cao nhận thức, xây dựng năng lực và khuyến khích

tiếp nhận chứng chỉ PEFC khắp khu vực Châu Á. Thứ hai, mở rộng chứng nhận nhóm toàn cầu, nhằm tạo điều kiện trao đổi kinh nghiệm, thúc đẩy hợp tác quốc tế và phát triển các giải pháp sáng tạo để chứng nhận PEFC dễ tiếp cận hơn với các chủ đất nhỏ tại các quốc gia đang phát triển. Bảng dưới đây cung cấp cái nhìn tổng thể về các dự án thí điểm của PEFC hiện nay tại khu vực Đông Nam Á.

Tổng quan các dự án chứng nhận nhóm mở rộng của PEFC tại khu vực Đông Nam Á			
Tên dự án	Đối tác	Hoạt động	Kế hoạch
Tăng cường năng lực các hợp tác xã tại Việt Nam về Quản lý rừng bền vững.	Hiệp hội chủ rừng Phần Lan (MTK), Liên minh các tổ chức phi chính phủ về nông nghiệp (Agricord), Liên minh Hợp tác xã Thừa Thiên Huế	Tăng cường hoạt động của các hợp tác xã và liên minh hợp tác xã về quản trị rừng bền vững, thí điểm và xây dựng mô hình chứng nhận nhóm tốt hơn.	Tiếp cận và đào tạo các hợp tác xã về chứng chỉ rừng. Bắt đầu hình thành kế hoạch về chứng chỉ rừng quốc gia.
Đối thoại khu vực về vai trò của quản trị rừng bền vững trong các khu rừng cộng đồng tại Nepal.	Liên minh toàn cầu về rừng cộng đồng; Liên đoàn các thành viên cộng đồng Nepal, ASMITA Nepal	Xây dựng nhận thức trong nhóm sử dụng rừng cộng đồng. PEFC là đơn vị đưa ra chấp thuận quản lý rừng bền vững.	Khởi động để án phát triển chứng nhận rừng quốc gia.
Hộ nông dân nhỏ cung cấp gỗ làm bột giấy tại Thái Lan	Double A, Tập đoàn Xi măng Siam (SCG), Bureau Vistas, nông dân Thái Lan.	Bao gồm TOF từ nông dân. Phát triển quá trình hợp tác đa bên đảm bảo tiêu chuẩn về TOF của Thái Lan.	Phối hợp hoạt động với các đơn vị trong ngành. Dự thảo danh mục phát triển với các tiêu chuẩn mở rộng hơn.
Khảo sát về chứng chỉ trồng cao su tại Malaysia.	Cục công nghiệp gỗ Malaysia, Cơ quan phát triển đất đai Fed, MTCC, nông dân trồng cao su.	Bao gồm chứng nhận nhóm trong MTCS Thí điểm cấp chứng chỉ trồng cây cao su.	Dự thảo hướng dẫn và Hướng dẫn sử dụng cho các nông hộ nhỏ.



VINA FOR SAIGON JCO, a member of Vietnam Timber and Forest Product Association (VIFORES) and Handicraft and Wood Industry Association of Ho Chi Minh (HAWA), is one of the leading indoor and outdoor furniture processing companies in Vietnam. Our furniture products are trusted by many foreign partners thanks to our consistent quality, plentiful models and reasonable price. Up to present, our products have been exported to Europe, North America and Japan ... We commit to providing our customers with our best products based on our golden rule: Mutual co-operation and development.

As quality is always our first priority, our two factories, My Nguyen Export Forest Products Processing Enterprise in Binh Dinh Province and Long Binh Tan Export Wood Processing Enterprise in Dong Nai Province, enforce wholly quality control through every stage of the manufacturing process ensuring that our strict standards, from designing, material selection and moisture content control, are met. Our factories are awarded with FSC - COC certificates and provided with FSC-COC codes, FSC - C005440 and FSC - C005978, by SGS Hong Kong.

With the total production area of 6 hectares, 700 skillful workers and advanced engineers, we can produce 50x40' containers per month. Our indoor product ranges include tables, chairs, benches, cabinets, shelves, bed and bunk beds which are mainly made from New Zealand pine, rubber and acacia. And our outdoor products, chairs, tables, benches, floors, are mostly made from acacia, eucalyptus and teak.



Contact information:

Ms. On Nhat My Hanh – Deputy Head of Planning and Marketing Department

Tel: +84 8 39326375 Cell: +84 974 674 211

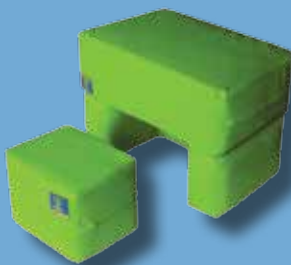
Email: hanh.my@vinaforsaigon.com.vn

<http://www.vinaforsaigon.com.vn>

F25 GiftArt & Decor

Được thành lập từ năm 2013, F25decor (tên đầy đủ: Công ty TNHH Toàn Gia Phát) được biết đến như một đơn vị chuyên thiết kế và tạo nên các sản phẩm gỗ trang trí, quà tặng, các sản phẩm độc quyền tại Việt Nam. Với 2 dòng sản phẩm chính bao gồm:

Sản phẩm gỗ quà tặng, trang trí: được làm từ gỗ ép, MDF, phun sơn hoàn thiện, với những thanh gỗ phẳng được tính toán và cắt theo đúng hình dáng, khi ghép lại sẽ tạo thành một hình khối 3D sống động. Đây là dòng sản phẩm chuyên biệt của công ty mà chưa từng có trên thị trường Việt Nam. Với các tính năng gọn nhẹ, thân thiện môi trường, và phong cách hiện đại, đây là dòng sản phẩm chủ đạo của F25decor.



Sản phẩm Sofa cho bé: đây là dạng sofa được thiết kế theo hình kỷ hà, có thể sắp xếp lại khớp với nhau với nhiều công năng: sử dụng được trong học tập, vui chơi, hay thậm chí là trong giờ ăn uống. Đây cũng được coi là một trong những dạng đồ chơi thông minh, tư duy logic với chất liệu an toàn rất phù hợp cho bé phát triển trí tuệ.

Website: F25decor.com

CÔNG TY MDF VINAFOR GIA LAI

Từ trồng rừng đến sản phẩm

Công ty MDF Vinafor Gia Lai là chi nhánh trực thuộc Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam (VINAFOR). Công ty MDF Vinafor Gia Lai có sở hữu rừng trồng được cấp chứng nhận FSC-FM số SA-FM.COC-004168 ngày 06/09/2013 với diện tích 3,319.6 ha, từ hoạt động khai thác rừng này công ty có nguồn nguyên liệu đầu vào gỗ FSC để sản xuất ván MDF chứng nhận FSC.

Công ty đã hoàn thành chứng nhận FSC/CoC/CW số TUSD-CW-000216 ngày 06/02/2014 cho hệ thống quản lý sản xuất kinh doanh của nhà máy sản xuất MDF và chương trình thẩm định rủi ro vùng nguyên liệu và là đơn vị đầu tiên chuyên sản xuất ván MDF chứng nhận FSC thuần túy và pha trộn cung cấp cho thị trường ngành công nghiệp chế biến gỗ tại Việt Nam.

Chuyên sản xuất và kinh doanh ván MDF Gia Lai:

- Ván MDF tiêu chuẩn E2
- Ván MDF tiêu chuẩn CARB-P2
- Ván MDF tiêu chuẩn chống ẩm HMR-E2

Ván FSC MDF Vinafor Gia Lai



ISO 9001:2008

Please contact:

Address: Km74, 19 Highway, Song An Commune, An Khe, Gia Lai

Tel: (059) 3537069 - Fax: (059) 3537068

Email: mdfgialai@gmail.com

Website: <http://mdfgialai.com>

Chamber of Consumption and Southern product:

Address: 12 Hoa Trà, P.7, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (08) 35172481 - Fax: (08) 35172482

MDF VINAFOR GIA LAI COMPANY

From Plant Forest To Product

MDF Vinafor Gia Lai Company is a branch of Vietnam Forest Corporation VINAFOR. MDF Vinafor Gia Lai Company owns plantations which are certified FSC-FM No. SA-FM.COC-004168 on 6 September 2013 with an area of 3,319.6 hectares, from this forest exploitation, the company has input FSC timber to produce MDF and certify FSC.

The company has completed FSC/CoC/CW No. TUSD - CW - 000 216 on 2 June 2014 for the system of production and business management of MDF manufacturing plant and risk assessment program of timber material area. The company is the first unit which is specialized in manufacturing MDF with certification of pure and mixed FSC supplying for wood processing industry in Vietnam. Specializing in the production and sales of MDF Gia Lai:

- MDF with E2 standard
- MDF with CARB-P2
- MDF with moisture-resistant standard HMR - E2

FSC MDF Vinafor Gia Lai



THỐNG KÊ LÂM SẢN THƯƠNG MẠI: Vấn đề và giải pháp

Thương mại lâm sản là một trong những lĩnh vực thương mại lớn và quan trọng trên thế giới, nhất là đối với những quốc gia đang phát triển và có thế mạnh về rừng. Thống kê thương mại lâm sản trong lĩnh vực lâm nghiệp sẽ là một công cụ hữu ích giúp cho thị trường lâm sản phát triển một cách bền vững và minh bạch. Bài viết sẽ đề cập đến tầm quan trọng của việc thống kê thương mại lâm sản.

TS. NGUYỄN MẠNH DŨNG

VAI TRÒ CỦA THỐNG KÊ THƯƠNG MẠI LÂM SẢN

Theo nhiều tổ chức nghiên cứu khác nhau trên thế giới như: Center for industrial studies, Prosperity Initiative... thì tổng giá trị thị trường lâm sản thế giới đạt 300-450 tỷ USD/năm, trong đó giá trị thương mại đồ gỗ toàn cầu dao động trong khoảng 130-150 tỷ USD/năm (năm 2013 giá trị này đạt trên 130 tỷ USD) và vẫn đang trong xu hướng tăng.

Tuy nhiên, việc phát triển mạnh mẽ thị trường lâm sản thường đi đôi với xu thế khai thác rừng quá mức và làm ảnh hưởng ngày càng nghiêm trọng đến môi trường toàn cầu. Chính vì vậy, phát triển thị trường lâm sản một cách bền vững là mối quan tâm hàng đầu đối với toàn nhân loại hiện nay. Việc hoạch định chính sách

ở tầm vĩ mô của mỗi quốc gia, của các tổ chức liên chính phủ, tổ chức xã hội... cũng như việc hoạch định chiến lược phát triển ở tầm vi mô của các doanh nghiệp chế biến, kinh doanh lâm sản một cách phù hợp, đảm bảo lợi ích của các bên là hết sức cần thiết cho sự phát triển bền vững này.

THỰC TRẠNG THỐNG KÊ LÂM SẢN THƯƠNG MẠI

Nhận thức được tầm quan trọng của thống kê lâm sản trong phát triển bền vững, ngay từ những năm 40 của thế kỷ XX, nhiều chương trình thống kê thương mại lâm sản đã được thực hiện như: Chương trình đánh giá tài nguyên rừng và Chương trình thống kê lâm sản của Tổ chức Nông lương Liên hiệp quốc (FAO),

chương trình thống kê lâm nghiệp của Tổ chức gỗ nhiệt đới quốc tế (ITTO), chương trình phục hồi và quản lý rừng bền vững của Mạng lưới châu Á - Thái Bình Dương (APFNet)... đều chỉ ra những vấn đề thống kê cần được quan tâm hàng đầu chính là những thông tin về sản xuất, sản lượng và thương mại các loại sản phẩm lâm nghiệp như gỗ tròn (roundwood), gỗ củi, than (fuelwood, charcoal), dăm mảnh (wood chips), gỗ xẻ (sawnwood), gỗ nhân tạo (wood-based panels), đầu cành, phoi gỗ và mùn cưa (particles and residues), gỗ làm giấy và phế thải của chúng (pulp and waste paper), cũng như các loại giấy và các tông (paper and paperboard)... Đồng thời, các tổ chức quốc tế nói trên đều có những nỗ lực cần thiết để hướng đến việc sử dụng các thống kê này trong các hoạt động sản xuất, chế biến và kinh doanh lâm sản hướng đến việc sử dụng ngày càng có hiệu quả, tiết kiệm nguồn tài nguyên rừng.

Từ năm 1947 đến nay nhiều hoạt động phổ biến kết quả thống kê đến người sử dụng như FAO Yearbook of Forest Products (từ năm 1947), FAOSTAT-Forestry online database (từ năm 1961), Pulp and paper capacity assessments (từ năm 1968), Statistical capacity development workshops (từ năm 1984)... cũng đã được tổ chức đáng kể. Các thống kê này đều có thể truy cập trên mạng



theo địa chỉ <http://www.fao.org/forestry/statistics>. Hiện tại có khoảng 250 lượt người truy cập mỗi ngày và 90.000 lượt truy cập mỗi năm đến từ 190 nước và vùng lãnh thổ trên thế giới đối với trang này.

Mặc dù vậy, tính xác thực của các số liệu thống kê thương mại lâm sản là một trong những vấn đề đang được quan tâm hiện nay. Trên bình diện quốc tế, nhiều số liệu thống kê là rất khó lý giải và sử dụng một cách hợp lý. Dưới đây là một số ví dụ cụ thể: (bảng 1).

Rõ ràng là có một sự chênh lệch quá lớn giữa số liệu thống kê mặt hàng veneer trong quan hệ thương mại hai nước. Tổng lượng xuất khẩu của Việt Nam chỉ có 1.000 m³ (năm 2012) nhưng riêng Trung Quốc đã nhập khẩu đến 231.000 m³. (bảng 2).

Bảng 1. Thương mại veneer nhiệt đới giữa Việt Nam và Trung Quốc (m³)

	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013
Theo báo cáo của Trung Quốc								
- Tổng lượng nhập khẩu	86.000	82.000	62.000	36.000	61.000	143.000	259.000	525.000
- Nhập khẩu từ Việt Nam	8.000	8.000	7.000	3.000	26.000	105.000	231.000	497.000
Theo báo cáo của Việt Nam								
- Tổng lượng xuất khẩu	4.000	3.000	2.000	1.000	4.000	8.000	1.000	na
- Xuất khẩu sang Trung Quốc	3.000	2.000	400	400	1.000	1.000	900	na

(Nguồn: ITTO-FAO-APFNet Regional Workshop on Forest Products Statistics September 2014)

Bảng 2. Thống kê thương mại gỗ xẻ giữa Campuchia, Việt Nam và Trung Quốc (m³)

	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013
Báo cáo của Trung Quốc về nhập khẩu từ Campuchia								
Báo cáo của Campuchia về xuất khẩu sang Trung Quốc	23.000	12.000	198	100	92	190	900	1.100
Báo cáo của Việt Nam về nhập khẩu từ Campuchia								
Báo cáo của Campuchia về xuất khẩu sang Việt Nam	48.000	45.000	5.000	3.000	4.000	3.000	4.000	6.000

(Nguồn: ITTO-FAO-APFNet Regional Workshop on Forest Products Statistics September 2014)

Những ví dụ trên đây cho thấy ngay trên bình diện quốc tế việc thống kê thương mại lâm sản mặc dù được rất nhiều người sử dụng song lại có những độ vênh rất lớn khiến cho người sử dụng phải có một sự cẩn trọng nhất định.

Ở Việt Nam, hiện không có một cơ quan, tổ chức nào nắm được chính xác lượng gỗ tròn, gỗ xẻ... nhập khẩu hàng năm. Các loại gỗ và sản phẩm gỗ như gỗ củi, than (fuelwood, charcoal), dăm mảnh (wood chips), gỗ xẻ (sawnwood), gỗ nhân tạo (wood-based panels), đầu cành, phoi gỗ và mùn cưa (particles and

residues)... được sản xuất trong nước, sử dụng trong chế biến và kinh doanh trên thị trường cũng không có con số thống kê chính xác. Ngay trong thống kê của Hải quan công bố hàng tháng cũng chỉ có kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ mà thôi. Các đơn vị, tổ chức, cá nhân muốn có được các số liệu cụ thể liên quan đến kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu các loại gỗ và sản phẩm gỗ theo mã HS để hoạch định chính sách phát triển, chính sách hỗ trợ chế biến, thương mại... đều rất khó khăn, ngay cả khi phải bỏ ra một khoản kinh phí khá lớn để mua được các số liệu này thì việc theo dõi và phân tích cũng gặp nhiều trở ngại. Điều trở trêu là các số liệu như khối

thập và xử lý số liệu thống kê một cách hợp lý và chính xác. Nhiều nước, nhất là các nước đang phát triển chưa có hệ thống kê lâm sản riêng biệt mà sử dụng các nguồn các thông tin khác nhau cho công tác thống kê nên thông tin thu được có độ chính xác không cao. Người làm công tác thống kê lâm sản thường là kiêm nhiệm và thiếu các kỹ năng thống kê cần thiết.

Hai là, thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan thống kê trong và ngoài nước trong thực hiện thống kê lâm nghiệp nói chung và thống kê thương mại lâm sản nói riêng. Các số liệu thống kê của Hải quan, của Tổng cục thống kê và cơ quan chuyên ngành thường chưa được liên thông với nhau tạo ra sự thống nhất và hợp lý chung.

Ba là, các doanh nghiệp chế biến, kinh doanh lâm sản chưa quan tâm nhiều đến thống kê thương mại lâm sản nên chưa có được những thống kê chính xác của chính đơn vị mình và cung cấp cho các cơ quan có trách nhiệm để thực hiện thống kê trong bình diện quốc gia và quốc tế dẫn đến có sự thiếu chính xác về số liệu thống kê. Mặt khác, nhu cầu sử dụng thống kê của các doanh nghiệp chưa cao nên chưa đòi hỏi những sự cải thiện cần thiết, phù hợp thực tế từ các cơ quan thực hiện thống kê.

Bốn là, các đơn vị đo sử dụng trong thống kê chưa hài hòa, thống nhất giữa các doanh nghiệp, các quốc gia. Chẳng hạn như ở Việt Nam tất cả đều sử dụng đơn vị BDMT trong giao dịch và thống kê dăm gỗ, song thống kê của FAO lại chỉ sử dụng duy nhất đơn vị là m³ cho mặt hàng này. Như vậy số liệu dăm gỗ xuất khẩu của Việt Nam trong thống kê của FAO chỉ có thể là số liệu quy đổi mà thôi.

Để giải quyết những bất cập trên đòi hỏi cần phải xem xét và xác định rõ các nguồn thông tin phù hợp trong thống kê thương mại lâm sản, thống nhất và chuẩn hóa các phương pháp thống kê được sử dụng. Đồng thời tăng cường sự phối hợp giữa các đơn vị thực hiện thống kê lâm sản cả ở trong nước và ở nước ngoài. Bên cạnh đó, nâng cao năng lực và kỹ năng cho người làm công tác thống kê lâm sản cũng như đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền và sử dụng thống kê lâm sản trong và ngoài nước, tạo nên nhu cầu lãnh mạnh trong sử dụng các thống kê này. ▼

ĐẦU LÀ NGUYÊN NHÂN?

Việc không thống nhất số liệu trong thống kê thương mại lâm sản có rất nhiều nguyên nhân chi phối, có thể kể ra một số nguyên nhân chính như sau:

Một là, thiếu một hệ thống thống kê lâm sản lâm sản đủ mạnh để có thể thu

STATISTICS OF FOREST PRODUCTS TRADE: ISSUES AND SOLUTIONS

Forest products trade is one of the large and important trade industries in the world, especially in developing countries and the ones which have strength of the forests. The statistics of forest products trade in the forestry sector will be a useful tool for forest product markets to develop sustainably and transparently. The article mentions the importance in the statistics of forest products trade.

DR. NGUYEN MANH DUNG

ROLE OF FOREST PRODUCTS TRADE STATISTICS

According to many different research organizations in the world such as: Center for industrial studies, Prosperity Initiative etc, the total market value of the world's forest products reaches US\$300-450 billion per year in which the value of global furniture trade in the global achieves US\$130-150 billion per year (in 2013 this value reached US\$130 billion) and it is still increasing.

However, the strong growth of forest product markets often makes the trend of excessive forest harvest and makes increasingly serious impact on the global environment. Therefore, the development of sustainable forest product markets is the top concern for all our humanity today. It is essential for the sustainable development to make policy at the macro level of each country, of intergovernmental organizations and social organizations etc as well as strategic plan for the development at the micro level of the processing and trading forest product enterprises suitably, to ensure the interests of the parties.

SITUATION OF FOREST PRODUCTS TRADE STATISTICS

To recognize the importance of statistics of forest products in sustainable development, in the 1940s of the 20th

century, there were many statistical programs of trading forest products such as the program of evaluating forest resources, the forest product statistics of the United Nations Food and Agriculture Organization (FAO), statistical program of International Tropical Timber Organization (ITTO), recovery programs and sustainable forest management of the Asia Pacific Forest Network

(APFNet) etc, all of those pointed out that the statistical problems should be concerned especially in information about production, production and trade of all kinds of forest products such as roundwood, fuelwood, charcoal, wood chips), sawnwood, wood-based panels, particles and residues, pulp and waste paper, as well as paper and paperboard etc. At the same time, the



above international organizations have essential efforts to use this statistics in production, processing and trading forest products more efficient and to save forest resources.

There are many activities to popularize the statistical results to users since 1947 such as the FAO Yearbook of Forest Products (since 1947), FAOSTAT-Forestry online database (since 1961), Pulp and paper capacity assessments (since 1968), Statistical capacity development workshops (since 1984) etc. These statistics can be accessed online on website <http://www.fao.org/forestry/statistics>. There are currently about 250 views each day and 90,000 views each year from 190 countries and territories in the world on this website.

However, the authenticity of the statistics of forest products trade is one of the concerned issues now. Many statistics are very difficult to explain and use in a reasonable manner in the world. Here are some specific examples: (Table 1)

Obviously there is a big difference about the statistics of veneer products in the bilateral trade relationship. Vietnam's total exports only is 1,000 m³ (2012), but China alone imports to 231,000 m³. (Table 2).

The above example shows that there are many people using the statistics of the forest products trade in the world,

but there are very large difference, so the users should have a certain caution.

In Vietnam, there are not any agency, organization which know the exactly annual imported amount of roundwood, sawn timber etc. The types of wood and wood products such as fuelwood, charcoal, wood chips, sawnwood, wood-based panels, particles and residues etc are produced domestically, using in processing and business on the market do not have the exact figures. Even the customs' monthly statistics only have export and import turnover of wood and wood products. The units, organizations and individuals who want to get the specific data relating to export and import turnover of wood and wood products under the HS code to make policy for development, supporting process, trade etc. are very difficult, even when they spend their considerable cost to buy this data, it is also impeded to monitor and analyze them. While the statistics of roundwood, sawnwood, wood chips, wood-based panels, residues etc in Vietnam and many other countries are published annually by FAO (<http://www.fao.org/forestry/statistics/84922/en/>).

WHAT ARE THE CAUSES?

There are many causes of inconsistency in the statistics of forest products trade, in which have some main causes as follows:

Firstly, there is the lack of a strong enough statistical system of forest products in order to collect and process statistics reasonably and exactly. In many countries, especially the developing countries have not had the system of separate forest product statistics yet, they often use different information sources for statistics, so the accuracy is not high. The people who are working in forestry statistics often hold offices and lack of the necessary skills for statistics.

Secondly, there is the lack of coordination among domestic and abroad statistical agencies in the implementation of forestry statistics in general and forest products trade statistics in particular. The statistics of Customs, the General Statistics Office and specialized agencies are not usually linked together to create common unity and suitability.

Thirdly, the business of processing and trading forest products have not concerned about the statistics of forest products trade yet, so they themselves do not provide their right data for authorities to make statistics in the country and world, which have led to inaccuracy statistics. On the other hand, the demand of using statistics in enterprises is not high, they have not have necessary improvements to meet the fact demand of statistical agencies.

Fourthly, the units of measurement using in statistics have not united between businesses and countries yet. For example, in Vietnam, using BDMT in the transaction and statistics of wood chips, but the statistics of FAO only uses m³ for this item. So, Vietnam data of exporting wood chips in FAO's statistics can only be the exchanged one.

To solve the above issues, it is necessary to review and determine appropriate information in forest products trade statistics, consistency and standardization of used statistical methods. At the same time to strengthen the coordination between statistical agencies of forest products both domestically and abroad. In addition, to improve the capacity and skills for the human resources working in forestry statistics as well as to promote information, dissemination and use of forest products statistics in the country and abroad, creating a strong demand in using these statistics. 

Table 1: Tropical veneer Trade between Vietnam and China (m³)

	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013
China report								
- Total import volume	86.000	82.000	62.000	36.000	61.000	143.000	259.000	525.000
- Import from Vietnam	8.000	8.000	7.000	3.000	26.000	105.000	231.000	497.000
Vietnam report								
- Total export volume	4.000	3.000	2.000	1.000	4.000	8.000	1.000	na
- Export to China	3.000	2.000	400	400	1.000	1.000	900	na

(Source: ITTO-FAO-APFNet Regional Workshop on Forest Products Statistics September 2014)

Table 2: Statistics sawnwood trade in Cambodia, Vietnam and China (m³)

	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013
China report on import from Cambodia	48.000	28.000	16.000	7.000	24.000	14.000	16.000	24.000
Cambodia report on export to China	23.000	12.000	198	100	92	190	900	1.100
Vietnam report on import from Cambodia	115.000	111.000	75.000	48.000	59.000	54.000	38.000	na
Cambodia report on export to Vietnam	48.000	45.000	5.000	3.000	4.000	3.000	4.000	6.000

(Resource: ITTO-FAO-APFNet Regional Workshop on Forest Products Statistics September 2014)

Gỗ tần bì Hoa Kỳ: Loài gỗ cứng đa dụng

Gỗ tần bì Hoa Kỳ là một loại gỗ rất đa dụng, được sử dụng làm đồ gỗ, ván sàn và các dụng cụ thể thao cho tới làm các công cụ, loại gỗ này luôn được đánh giá cao. Gỗ tần bì Hoa Kỳ bền và cứng, gỗ dễ uốn cong và có độ kháng va chạm thuộc loại tuyệt vời, không có loại gỗ nào có khả năng tương tự. Đó là một trong những công trình nghệ thuật của tạo hóa ban cho loại gỗ này.

▼ WORLD HARDWOODS

Loại gỗ này phân bố khắp miền Đông Hoa Kỳ, từ phía bắc New York sang phía nam Vịnh Mexico, phát triển thành những cây gỗ cao ở vùng núi và thấp ở các vùng đồng bằng và vùng ven biển. Với đất và khí hậu tại các vùng khác nhau, đem đến cho loại gỗ này sự đa dạng về màu sắc, vân gỗ và khả năng chịu lực tốt. Gỗ tần bì cũng có một số dạng, chúng được gọi chung là *Fraxinus* spp. Ngoài ra, gỗ tần bì Hoa Kỳ cũng được trồng ở một số vùng trên thế giới như Sen ở Nhật Bản - nơi không có khí hậu nhiệt đới.



Gỗ có vân gỗ thẳng tương phản nhau giữa chu kỳ phát triển mùa hè và mùa đông, dát gỗ có sự khác biệt về màu sắc bên ngoài màu sáng, tâm gỗ bên trong màu sậm hơn. Ở phía Bắc Hoa Kỳ, các dát gỗ có xu hướng đậm màu hơn do thời gian sinh trưởng ngắn hơn so với miền Nam ấm áp với mùa hè dài hơn. Do đó vân gỗ cũng đẹp hơn.

Tần bì Hoa Kỳ có khả năng uốn cong rất tốt, vì vậy loại gỗ này rất được các nhà sản xuất đồ nội thất và các nhà sưu tầm yêu thích. Ngoài ra, loại gỗ này có độ kháng va chạm tuyệt vời, kể cả khi con người có tác động mạnh tới nó. Các dụng cụ tay cầm và các dụng cụ thể thao như gậy bóng chày cũng được làm từ loại gỗ này. Đây là loại gỗ rất cứng, độ bền cao, dễ khô, có thể sơn màu và đánh bóng thành phẩm rất tốt. Gỗ lý tưởng cho việc làm ván sàn và là sự lựa chọn phổ biến với các nhà thiết kế, kiến trúc sư, các chuyên gia và người tiêu dùng trên toàn thế giới.

Theo đánh giá mới đây của Cục Kiểm lâm Hoa Kỳ, diện tích đất rừng trong thế kỷ qua đã được mở rộng dù cho dân số nước này tăng 130% và các mối đe dọa với môi trường không ngừng tăng. Độ che phủ rừng ở Mỹ đã tăng 28% trên toàn khu vực, bao gồm khoảng 30 tiểu bang Hoa Kỳ.

Theo ông Norm Steffy từ Công ty Gỗ Cummings ở Pennsylvania “Gỗ tần bì trắng được coi là loại gỗ có giá trị nhất của họ gỗ tần bì. Bởi vì độ cứng, độ đàn hồi, khả năng chịu lực, kháng va đập tuyệt vời

và có nhiều công dụng. Gỗ tần bì trắng dễ uốn, được sử dụng làm chân đồ nội thất kiểu dáng thời trang, ghế có lưng tựa và lan can. Loại gỗ này có khả năng chịu lực rất tốt nên được sử dụng để làm gậy bóng chày. Gỗ tần bì Hoa Kỳ có độ cứng là 1320, tương đương độ cứng của gỗ sồi đỏ và sồi trắng. Gỗ tần bì trắng thường được thay thế cho gỗ sồi. Loại gỗ này tương tự gỗ sồi đỏ về ngoại hình và đặc tính; khi được nhuộm màu, nó giống như gỗ sồi với vân gỗ tương tự nhau. Điều này khiến cho gỗ tần bì được sử dụng nhiều để chế tác đồ nội thất, với thiết kế hiện đại và theo kiểu truyền thống nhiều. Đây là một sự lựa chọn tốt để làm ván sàn tại các khu vực giao nhau hoặc tại các nơi dễ bị va chạm.”

Ở Việt Nam, Gỗ tần bì Hoa Kỳ đã được sử dụng rộng rãi trong thập kỷ gần đây và có khả năng trở nên phổ biến. Trong sáu tháng đầu năm 2014, Việt Nam đã nhập khẩu 5.322 m³ Gỗ tần bì Hoa Kỳ với giá trị lên tới 2.9 triệu USD, tăng 12% so với cùng kỳ năm ngoái. ▼

Trọng lực (12% MC)	0.60
Khối lượng TB (12% MC)	673 Kg/m ³
Co rút thể tích trung bình	6.2%
Mô-đun cắt lớp	103.425 MPa
Mô-đun đàn hồi	11,997 MPa
Cường độ nén	51.092 MPa
Độ cứng	5871 N

INDONESIAN FORESTS TO BENEFIT FROM PEFC CERTIFICATION

Indonesian forests, home to some of the most biologically diverse forests in the world, can now benefit from credible, globally recognized sustainable forest management certification following the endorsement of the Indonesian Forestry Certification Cooperation (IFCC) by PEFC, the world's leading forest certification system.

"This endorsement signifies a turning point for Indonesia, a country which is still struggling with combating high deforestation rates," said Ben Gunneberg, Secretary General of PEFC International. "Forest certification represents an important mechanism to verify and promote sustainable forest management, thus safeguarding the environmental, social and economic benefits that forests provide. This is especially important in a country like Indonesia given the significance of its forest resources both in terms of protecting its invaluable biodiversity and its contribution to the livelihoods of the millions of people that depend on forest resources to make a living."

With more than 50% of Indonesia's land area forested, the country's rainforest is the third-largest in the world. It is considered one of the five most species-rich countries globally, home to about ten percent of all known species of plants,

mammals and birds. It is estimated that 80 million Indonesians rely on forests for their livelihood. Responsible management of the country's forest resources are also important from an economic point of view: Smallholders and industrial forestry operators, along with pulp and paper producers, depend on forests, and contribute approximately US\$21 billion to the economy — around 3.5 percent of Indonesia's GDP. More than 4 million people are employed by this industry.

"PEFC forest certification enables people to choose good wood, wood that comes from forests that have been independently verified as sustainably managed. We encourage companies and consumers alike to opt for PEFC-certified products to support forest owners in Indonesia that manage their forests sustainably," emphasized Ben Gunneberg.

"Finding the right balance that protects forests and the people who depend on them is critical to achieving long term sustainability. We have benefitted from the involvement of a wide range of stakeholders in the development of our national forest certification system towards this ambitious goal, and the endorsement by PEFC confirms that we are in alignment with globally recognized Sustainability Benchmarks," said Dradjad H Wibowo, Chairman of the IFCC.

"Forest owners and companies are now able to demonstrate their good practices through certification and to re-gain the trust of the marketplace that has been lost over the past decade. Indonesia recognizes the importance of sustainable forest management, and we encourage buyers globally to take a second look at certified forest products from Indonesia and to reward those who are committed to safeguarding our forest resources."

The endorsement of IFCC by PEFC follows the most rigorous assessment process existing globally for national forest certification systems seeking international recognition. PEFC requires all standards to be developed through comprehensive, multi-stakeholder and consensus-based processes at national level with all standard requirements meeting or exceeding the environmental, social and economic requirements of PEFC's Sustainability Benchmarks.

All standards are subjected to an independent third-party evaluation, global public consultation, a review by the Panel of Experts, and consideration by the PEFC Board of Directors before PEFC members decide about the endorsement of a particular national system. The entire assessment documentation is made publicly available to ensure full transparency of the process. 



10 | Bời lời vàng, Bời lời trắng

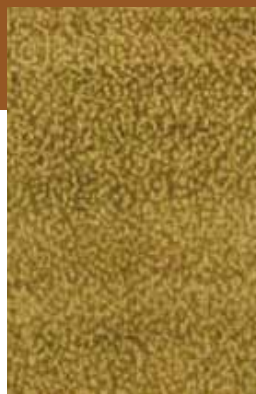
Litsea pierrei



Mặt cắt tiếp tuyến



Mặt cắt xuyên tâm



Mặt cắt ngang

Họ:
Lauraceae

Phân bố:
Đồng Dương Khả năng gia công

Đặc điểm gỗ

Màu sắc	Gỗ lõi màu vàng xanh nhạt, vàng, thỉnh thoảng thấy có các sọc màu đậm, gỗ dác nhạt màu hơn, ít phân biệt với màu gỗ lõi, bề mặt có tính phản quang, về sau xỉn màu
Thớ gỗ	Thớ gỗ thẳng đến gọn sóng
Mặt gỗ	Mịn đến hơi thô

Khối lượng thể tích	567 kg/m ³ ở độ ẩm 12 %
Trọng lượng riêng	0,48
Tỷ lệ co rút (%)	Xuyên tâm 3,2 Tiếp tuyến 6,5 Thể tích 9,5 từ gỗ tươi đến độ ẩm 12 %

Mô tả cây

Cây gỗ nhỏ cao 15-20 m, đường kính 30-40 cm. Thân tròn phân nhiều cành nhỏ, vỏ không nứt màu xanh nhạt hay màu nâu, có mùi thơm, lớp vỏ trong trắng vàng, có nhựa dính.

Tính chất cơ học

Độ ẩm gỗ (%)	12
Uốn tĩnh (N/mm ²)	MOR 79,0 MOE 9060
Ứng suất trượt (N/mm ²)	Xuyên tâm 7,4 Tiếp tuyến 9,1
Cường độ nén (N/mm ²)	Dọc thớ 55,1 Ngang thớ 3,1
Độ cứng tĩnh Janka (N)	3586

Độ bền tự nhiên không bền tự nhiên

Khả năng gia công

Sấy	Dễ gia công – Mùn cưa gây dị ứng cho da Nhìn chung dễ sấy, ít hoặc không hạ cấp sau sấy
Khả năng bám dính	Tốt
Khả năng dán dính	Tốt
Khả năng hoàn thiện	Tốt

Công dụng Ván lạng, kết cấu, chạm khắc, đồ mộc, xây dựng.



10 | *Litsea pierrei*

Bời lời vàng, Bời lời trắng



Tangential cut



Radial cut



Crosscut



Family:
Lauraceae

Distribution:
Indochina

The wood

Colour	Heartwood greenish-yellow, yellowish- or olive-gray, olive brown, grayish-brown, sometimes with dark streaks, sapwood lighter in color, not distinct, lustrous, later becoming dull.
Grain	Straight to wavy.
Texture	Fine to slightly coarse.

Density	567 kg/m ³ at moisture content of 12 %	
Specific gravity	0.48	
Shrinkage (%)	Radial	3.2
	Tangential	6.5
	Volumetric	9.5
from green to moisture content of 12 %		

The tree

Medium-sized tree, 15 - 20 m high, 30 - 40 cm diameter, trunk cylindrical, many small branches, bark glabrous green or brown, fragrant, bark rings of whitish-yellow colour, sticky resin.

Mechanical properties

Moisture content (%)	12	
Static bending (N/mm ²)	MOR	79.0
	MOE	9060
Shear (N/mm ²)	Rad	7.4
	Tang	9.1
Compression strength (N/mm ²)	Parallel to grain	55.1
	Perpendicular to grain	3.1
Janka – Hardness (N)	3586	

Durability Non durable.

Processing properties

Processing	Very easy to work with hand and machine tools. Sawdust may be a skin irritant.
Drying	Generally reported to season well with little or no degrade.
Nailing	The nailing properties are rated as excellent.
Gluing	Good
Finishing	Good

Known uses Veneer, joinery, carving, patternmaking, furniture, light construction.





DOANH NGHIỆP TỰ NHÂN KIẾN PHÚC

Trụ sở: 50/3 Thanh Hóa, Xã Hố Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện: Ông Trần Văn Thành

Telephone: 0613 986 795, 0613 967 767

Fax: 0613 986 117

Email: info@kienphucfurniture.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN VINA LÁ SẮT CỨNG

Địa chỉ: Lầu 3, Tòa nhà REE, số 9 Đoàn Văn Bơ, Phường 12, Quận 4.

Email: info@hafele.com.vn

Website: http://hafele.com.vn

Sản phẩm chính: Phụ kiện xây dựng công trình, phụ kiện đồ gỗ, thiết bị và phụ kiện cho bếp và phòng tắm, thiết bị gia dụng...



CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ NỘI THẤT NANO

VP giao dịch - Showroom: Tầng 4B tòa nhà 25T2 Khu đô thị Đông Nam đường Trần Duy Hưng, P.Trung Hòa, Q.Cầu Giấy, Tp Hà Nội

Điện thoại: 04.3556 9168/04.3556 1105 -Fax: 04.3556 9229

Website: nanovn.vn - **Email:** nanohanoi@nanovn.vn

Chi nhánh Đồng Nai: Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu Long thành

Địa chỉ: Cụm CN dọc 47, Xã Tam Phước, TP. Biên Hòa, Đồng Nai
Điện thoại: 0613.510.456



Gỗ Tây cho ngôi nhà Việt

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN VINH CỬU

Trụ sở: Khu phố 9, P. Tân Biên, Biên Hòa, Đồng Nai

Lĩnh vực hoạt động: Gỗ nguyên liệu

Điện thoại: (061) 3888 100 – 3888 101

Fax: (061) 3888 105 – 888 0830



CÔNG TY TNHH GỖ CHÂU ÂU

Địa chỉ: ấp Cây Xoài, xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

VPGD: Km4, đường ĐT 767, ấp Sông Mây, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Lĩnh vực hoạt động: Gỗ nguyên liệu

Điện thoại: +84.61.897.2112/Fax: +84.61.897.2113

Hotline: +84.936.020687 (Mr Tân)

Email: info@eurowood.vn

Yahoo: gochauau/Skype: trinhductan

Website: www.eurowood.vn / www.gochauau.com



CÔNG TY TNHH HỐ NAI

Địa chỉ: Khu Phố 8, P. Long Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Người đại diện: Nguyễn Văn Quý

ĐT: +84.61.3987037

Fax: +84.61.3987039

Email: honaiwoodexp@honaifurniture.com.vn



CÔNG TY TNHH THANH HOÀ

Địa chỉ: 466 đường Cao Thắng, P.12, Q.10, Tp. Hồ Chí Minh

Lĩnh vực hoạt động: Gỗ nguyên liệu

Điện thoại: +84 (0) 8 3862 9016

Fax: +84 (0) 8 3862 7434

Email: office@thanhhoaco.com



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ ĐẠI THÀNH

Địa chỉ: 90 Tây Sơn, Tp. Quy Nhơn, Bình Định

Tel: (84) 563 846 839

Fax: (84) 563 847 267

Email: dathacoldt@daithanhfurniture.com

sales@daithanhfurniture.com

Website: www.daithanhfurniture.com



CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFOR ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 851 Ngô Quyền – Quận Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng
Tổng giám đốc: Nguyễn Đức Huy
Tel: (0511) 3733.275/3831259
Fax: (0511) 3838.312 /3732.004
Email: vinafordanang@gmail.com
Website: vinafordanang@gmail.com



CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 160 - Phố Trần Bình - Từ Liêm - Hà Nội
Tổng giám đốc: Đỗ Thị Kim Loan
Điện thoại: +84-4-37555282/83
Fax: +84-4-37553405
Email: vtdltd@hn.vnn.vn



ACE WOOD FURNITURE TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Lô CN4, KCN Nam Cầu Kiển, Thuỷ Nguyên, TP. Hải Phòng.
Giám đốc: Nguyễn Đắc Hạnh
Web: www.acewoods.com.vn
Email: contact@acewoods.com
Tel: +84 31 2639997



CTY TNHH HIỆP LONG - HIEP LONG FINE FURNITURE COMPANY

Địa chỉ: Số 98A/2 KP 1A, P.An Phú, TX.Thuận An, Bình Dương
Tổng giám đốc: Huỳnh Quang Thanh
Tel: 0650.3710012
Fax: 0650.3710013
Email: hlffurniture@hcm.vnn.vn
Website: hlffurniture@hcm.vnn.vn



CÔNG TY MDF VINAFOR GIA LAI - MDF GIA LAI COMPANY

Địa chỉ: Km 74, Quốc lộ 19, Xã Song An, Thị xã An Khê, Tỉnh Gia Lai
Điện thoại: 059 3537069
Fax: 059 3537068
Email: mdfgialai@gmail.com
Website: http://www.mdfgialai.com



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ NỘI THẤT PISICO

Địa chỉ: Lô C6-C7, Khu công nghiệp Phú Tài, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Giám đốc: Nguyễn Văn Thu
Điện thoại: +84.56 3641265
Fax: +84.56 3641263
Email: furniture_pisico@dng.vnn.vn
Website: www.pisico.vn



CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU GỖ TÀI ANH

Địa chỉ: Lô C3, Khu công nghiệp Gián Khẩu, Gia Viễn, Ninh Bình
Tel: (030) 365 1595 Fax: (030) 365 0 350
Email: taianhfurniture@taianh.com
Website: www.taianh.com
Kho Gỗ Hải Phòng:
 Khu sân bay Cát Bi, Quận Hải An, TP Hải Phòng
Tel: 0913292491 Fax: (0303)3759355



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM SẢN XUẤT KHẨU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Điện Ngọc, Điện Bàn, Quảng Nam
Tổng giám đốc: Phạm Phú Thống
Email: forexcoqnam@dng.vnn.vn
Website: www.forexco.com.vn

CƠ HỘI XUẤT KHẨU GỖ VUN SANG BA LAN

Tôi là Graży đại diện công ty EK. Chúng tôi chuyên cung cấp các sản phẩm sinh khối cho các nhà máy điện ở Ba Lan. Hiện tại chúng tôi đang có nhu cầu mua gỗ vụn để phục vụ cho việc sản xuất. Cụ thể chúng tôi xin đính kèm về số lượng đơn hàng thử nghiệm ở tháng thứ nhất dưới đây.

Thông tin sản phẩm:

Tên sản phẩm:

1. Gỗ vụn làm chất đốt:

- Số lượng: 3,000 tấn/tháng

2. Viên nén mùn cưa:

- Số lượng: 3,000 tấn/tháng

3. Gỗ vụn làm giấy:

- Số lượng: 10,000 tấn/tháng

Xuất xứ: Việt Nam

Báo giá: CIF, cảng Stettin, Ba Lan

Phương thức thanh toán: 100% LC

Thông tin nhà nhập khẩu:

Người liên hệ: Grazyna Kocikowska

Công ty: EKO 2007 Ltd

Địa chỉ: BYDGOSZCZ; Quốc gia: Ba Lan

CƠ HỘI XUẤT KHẨU GẬY GỖ SANG HÀN QUỐC

Thông tin sản phẩm:

Tên sản phẩm: Gậy gỗ; Xuất xứ: Việt Nam

Số lượng: 1 container 40feet

Chúng tôi cần 2 loại như sau:

Loại 1: Đã lột vỏ, sử dụng để chống đỡ cây bên đường

Đường kính + chiều dài: 40mm 120cm, 150cm, 180cm;

50mm 150cm, 180cm; 60mm 240cm, 270cm;

80cm 330cm, 360cm

- Đường kính: 40 - 50mm chiếm hơn 80%

- Chiều dài: 150 cm chiếm hơn 80%

Loại 2: Gậy gỗ sử dụng trong nông nghiệp

- Đường kính gốc: 12 - 13 cm

- Đường kính ngọn: 8 - 9 cm

- Chiều dài: 170 cm

Độ ẩm: <= 15%

Đóng gói: Loại 1: 300 chiếc/pallet; Loại 2: 20 chiếc/bó

Báo giá: CIF, cảng Gwang Yang, Hàn Quốc

Phương thức thanh toán: LC

Thông tin nhà nhập khẩu:

Người liên hệ: YeongSeog Bag

Công ty: Ho Sung A&C Co., Ltd.

Quốc gia: Hàn Quốc

Email: iktus10082@gmail.com

NHÀ NHẬP KHẨU BANGLADESH CẦN MUA
GỖ DẦU TRÒN

Chúng tôi là nhà nhập khẩu Ấn Độ, hoạt động chủ yếu Tôi là Omar Faruk đến từ công ty M/S. SAMEE AND BROTHERS Bangladesh. Khởi điểm là một công ty nhập khẩu nhỏ, đến nay chúng tôi đã hợp tác với rất nhiều nhà cung cấp trên toàn thế giới. Các sản phẩm chúng tôi quan tâm bao gồm: gỗ dầu, gỗ balau vàng, gỗ cẩm-xe... Hiện chúng tôi đang có nhu cầu nhập khẩu một khối lượng lớn gỗ dầu tròn từ Việt Nam với các thông tin như sau:

Thông tin sản phẩm:

Tên sản phẩm: gỗ dầu tròn

Số lượng: 1,000 m3

Kích thước: Chiều dài: >=2.5 m; Đường kính: >=60cm

Độ ẩm: 12 - 20%

Báo giá: CNF Chittagong

Phương thức thanh toán: LC

Thông tin nhà nhập khẩu:

Người liên hệ: Omar Faruk

Công ty: M/S. SAMEE AND BROTHERS

Địa chỉ: 33, Ashraf Ali Road, Khatungonj, Chittagong

Quốc gia: Bangladesh

Điện thoại: + 88 01812 223326

Skype: omarfaroqe

CƠ HỘI XUẤT KHẨU GỖ KEO HOẶC GỖ BẠCH ĐÀN
SANG UKRAINE

Tôi là Alexander Babak trưởng phòng kinh doanh của công ty ORANTEX GLOBAL LTD chuyên môi giới xuất nhập khẩu cho nhiều khách hàng uy tín đối với nhiều loại mặt hàng. Đặc biệt thế mạnh của chúng tôi là các mặt hàng gỗ tròn, gỗ vụn, vật liệu xây dựng, năng lượng và các sản phẩm khác tại một số thị trường tiềm năng như Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam, Ai Cập, Hàn Quốc, Nhật Bản... Hiện tại, khách hàng của chúng tôi đang có nhu cầu mua gỗ keo và gỗ bạch đàn với số lượng lớn với thông tin như sau:

Thông tin sản phẩm:

Tên sản phẩm: Gỗ keo hoặc gỗ bạch đàn

Loại: gỗ tròn đã bóc vỏ hoặc chưa bóc vỏ.

Xuất xứ: Việt Nam

Số lượng: 20,000 BDMT

Kích thước: Đường kính: 7cm - 25 cm; Chiều dài: 3m - 5.5m

Báo giá: FOB

Vận chuyển bằng tàu rời

Phương thức thanh toán: LC

Thông tin nhà nhập khẩu:

Người liên hệ: Alexander Babak

Công ty: ORANTEX GLOBAL LTD

Địa chỉ: Kopernika, 14 Lviv lviv, Quốc gia: Ukraine

Điện thoại: 380-93-8603934;

Fax: 380-32-3164256

CƠ HỘI XUẤT KHẨU GỖ DÁN SANG MỸ

Công ty Seventh Continent Pte Ltd là một trong những công ty thương mại lớn ở Singapore, chuyên cung cấp các mặt hàng cho trung bình 4.000 siêu thị cũng như các cửa hàng lớn ở châu Âu. Hiện tại, chúng tôi đang cần mua gỗ dán làm từ gỗ bạch dương với các thông tin như sau:

Quý nhà cung cấp nào có thể đáp ứng, xin vui lòng gửi cho chúng tôi báo giá cũng như bản kiểm định SGS sớm nhất có thể. Ngoài ra, chúng tôi cũng rất mong muốn nhận được những thông tin cụ thể sau để phục vụ cho việc hợp tác được an tâm và lâu dài:

- Tên của công ty, email, địa chỉ, điện thoại liên lạc
- Tên, mã code sản phẩm cũng như thông số cụ thể mỗi loại.
- Số lượng mỗi sản phẩm có sẵn trong kho
- Thời gian có thể giao hàng sau khi ký hợp đồng
- Giá mỗi sản phẩm (CIF, cảng Elizabeth, NJ USA) Lưu ý sử dụng container 40HQ
- Đóng gói (xin vui lòng gửi cụ thể phương thức đóng gói cũng như kích cỡ thùng carton, số lượng sản phẩm trong mỗi thùng).

Thông tin sản phẩm:

Tên sản phẩm: Gỗ dán

Xuất xứ: Việt Nam

Độ ẩm: 8 – 12%

1. Tấm gỗ dán chống cháy:

Loại: E1

Kích thước:

Dài x rộng x dày: 1220 x 2440 x 18mm

Số lượng: 1 container 40feet

Đóng gói: 800 tấm/1 container

2. Tấm ván ép:

Loại: B/BB E1

Kích thước: 1220 x 2440 x 18mm

Một mặt được đánh bóng với lớp phủ UV

Số lượng: 1 container 40 feet

Đóng gói: 800 tấm/1 container

3. Tấm ván ép:

Loại: A/BB E1

Kích thước: 1220 x 2440 x 18mm

Một mặt được đánh bóng với lớp phủ UV

Số lượng: 1 container 40 feet

Đóng gói: 800 tấm/1 container

Độ ẩm: 8-12%

Báo giá: CIF, cảng Elizabeth, Mỹ

Phương thức thanh toán: LC

Thông tin nhà nhập khẩu:

Người liên hệ: Rachel

Công ty: Seventh Continent Pte Ltd

Quốc gia: Mỹ

Điện thoại: 65 6238 5969

Email: rachel.7conti@gmail.com

CƠ HỘI XUẤT KHẨU GỖ BẠCH ĐÀN SANG PHÁP

Tôi là Pierre, đại diện công ty Oppofrance. Hiện tại, một công ty nhập khẩu lớn, là đối tác thường xuyên của chúng tôi đang mong muốn tìm kiếm các nhà cung cấp gỗ Bạch Đàn tại Việt Nam để hợp tác lâu dài với thông tin như sau:

Thông tin sản phẩm:

Tên sản phẩm: gỗ Bạch Đàn

Xuất xứ: Việt Nam

Số lượng: mỗi loại 1 container mỗi năm

Kích thước:

Gỗ Bạch Đàn để làm vách ngăn ngoài trời: (không bào nhẵn các mặt)

- Mẫu VERDURA: 1800 X 1800

- Mẫu MARINA: 1800 x 1000

Gỗ Bạch Đàn để làm vách ngăn trong nhà (bào nhẵn các mặt)

- Mẫu ADURA: 2400 x 1000 x 34

- Mẫu XO: 2400 x 1000 x 34

- Mẫu KAISKA: 2400 x 1000 x 100 (cắt vát: 1000 x 60 x 100)

- Mẫu ACARA: 2400x1000x34 (cắt vát 1000x100x14)

Bao bì: đóng gói mỗi chiếc trong một túi plastic phủ film, bên ngoài có in logo công ty

Báo giá: EXW

Phương thức thanh toán: LC

Chú ý: Đối với các sản phẩm trong nhà, tùy thuộc điều kiện của bên cung cấp mà một số thông số ngoại trừ thông số bên ngoài có thể thay đổi.

Thông tin nhà nhập khẩu:

Người liên hệ: Mr Pierre

Công ty: Oppofrance

Quốc gia: Pháp

Điện thoại: + 33 (0)9 61 43 83 50

+33 (0)6 70 48 45 42

Email: contact@opfrance.com



VIETGO - XÚC TIẾN XUẤT KHẨU

Thông tin cơ hội giao thương được cung cấp bởi công ty VietGO

Để biết thêm thông tin nhà nhập khẩu vui lòng liên hệ:

Địa chỉ: C11, tầng 5 khách sạn Pullman, 40 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội - Tel: 04 22123567

Email: tuvanxnk.vietgo@gmail.com

Hotline: 090 457 2200 (Ms Thuận) - www.vietgo.vn

TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ CỦA VIỆT NAM TRONG 8 THÁNG NĂM 2014

I. XUẤT KHẨU

KIM NGẠCH XUẤT KHẨU:

Theo số liệu Tổng Cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ (G&SPG) của Việt Nam trong tháng 8/2014 đạt gần 554 triệu USD, tăng 12% so với tháng trước đó và tăng 10% so với cùng kỳ năm 2013. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ đạt gần 380 triệu USD, tăng 5,3% so với tháng 7/2014 và tăng 13,77% so với cùng kỳ năm ngoái.

Như vậy, trong 8 tháng năm 2014, kim ngạch xuất khẩu G&SPG của nước ta đạt trên 3,94 tỷ USD, đứng thứ 9 về kim ngạch xuất khẩu mặt hàng/nhóm mặt hàng của Việt Nam, tăng 14,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ đạt 2,76 tỷ USD, tăng 18,6% so với cùng kỳ năm 2013, chiếm 70,11% tổng kim ngạch xuất khẩu G&SPG, tăng so với 68,57% tỷ trọng của cùng kỳ năm 2013.

Trong 15 ngày đầu tháng 9/2014, do trùng với dịp nghỉ lễ 2-9 nên kim ngạch xuất khẩu G&SPG của nước ta giảm nhẹ trở lại, đạt 232 triệu USD, giảm 4,9% so với 15 ngày đầu tháng 8/2014.

Dự báo: kim ngạch xuất khẩu G&SPG sẽ tăng cao trở lại trong 3 tháng cuối năm.

- *Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ của các doanh nghiệp FDI trong tháng 8/2014.*

Trong tháng 8/2014, kim ngạch xuất khẩu G&SPG của các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt trên 276 triệu USD, giảm nhẹ 0,5% so với tháng trước đó và tăng 11,82% so với cùng kỳ năm 2013. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu G&SPG của các doanh nghiệp FDI đạt 242,2 triệu USD, giảm 0,65% so với tháng 7/2014 và tăng 10,69% so với cùng kỳ năm ngoái.

Lũy kế đến hết tháng 8/2014, kim ngạch xuất khẩu G&SPG của các doanh nghiệp FDI đạt 1,988 tỷ USD, tăng 34,23% so với cùng kỳ năm ngoái, chiếm 50,4% tổng kim ngạch xuất khẩu G&SPG của cả nước. Như vậy, kim ngạch xuất khẩu G&SPG của các doanh nghiệp FDI tăng mạnh hơn so với tổng kim ngạch xuất khẩu G&SPG của cả nước.

Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ đạt 1,738 tỷ USD, tăng 17,35% so với cùng kỳ năm 2013, chiếm 87,42% tổng kim ngạch xuất khẩu G&SPG của toàn khối và chiếm 62,85% tổng kim ngạch xuất khẩu G&SPG của cả nước.

VIETNAM EXPORT AND IMPORT OF WOOD AND WOOD PRODUCTS IN THE FIRST 8 MONTHS OF 2014

I. EXPORT

EXPORT TURNOVER:

According to the statistics from the General Department of Vietnam Customs, Vietnam export turnover of wood & wood products (W&WP) in August 2014 has reached nearly US\$ 554 million, has increased 12% compared with the previous month, and up 10% from the same period last year. In particular, the export turnover of timber products reached nearly US\$ 380 million, up 5,3% from the previous month and increase 13,77%

Thus, in the first 8 months of 2014, export turnover of W&WP in the country reached over US\$ 3,94 billion, in the 9th ranking of export turnover of commodities / commodity groups in Vietnam, up 14,9% compared to the same period last year. In particular, the export turnover of timber products reached US\$ 2,76 billion, increased by 18,6% compared to the same period in 2013, accounting for 70,11% of total export turnover of W&WP, it is 68,57% higher than the proportion of the same period in 2013.

In the first 15 days of September 2014, due to Independence Day, export turnover of W&WP in Vietnam slightly decrease, gained US\$ 232 million, down 4,9% over the same period August 2014.

Forecast: export turnover of W&WP will increase return in the last 3 months of 2014.

- *Export turnover of wood products in FDI enterprises in August 2014.*

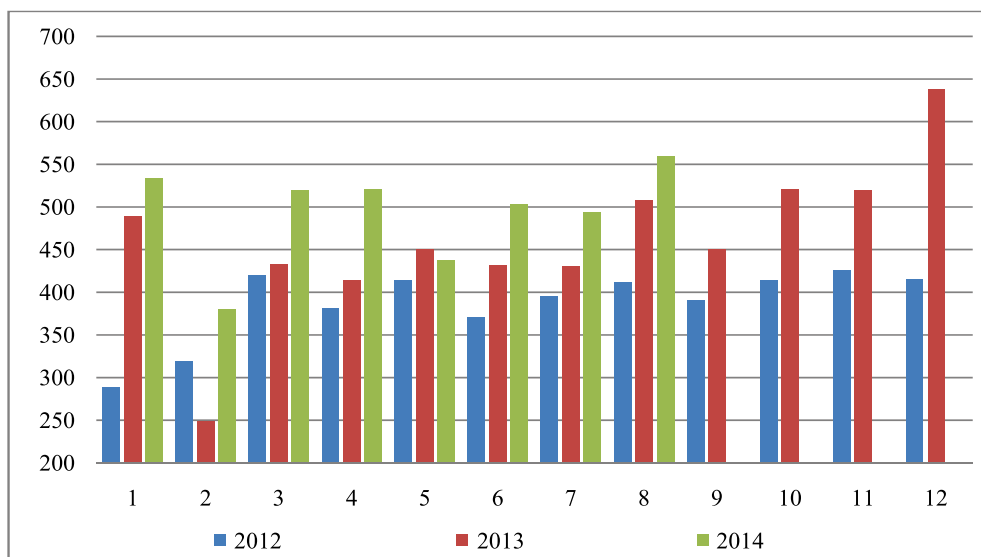
In August 2014, export turnover of W&WP in FDI enterprises reached over US\$ 276 million, a slightly decrease by 0,5% from the previous month and an increase by 11,82% compared to the same period last year. In particular, export turnover of timber products reached US\$ 242,2 million, down 0,65% from the previous month and up 10,69% compared to the same period last year.

It is cumulative until the end of August 2014, export turnover of W&WP in FDI enterprises reached US\$1,988 billion, up 34,23% compared to the same period last year, accounting for 50,4% of total export turnover of W&WP in the country. Thus, export turnover of W&WP in FDI enterprises increased stronger than total export turnover of W&WP in the country.

In particular, export turnover of timber products reached US\$ 1,738 billion, an increase of 17,35% over the same period last year, accounting for 87,42% of total export turnover of W&WP in the whole block of FDI and accounts for 62,85% of total export turnover of wood products in the country.

Biểu đồ 1: Tham khảo kim ngạch xuất khẩu G&SPG của Việt Nam theo tháng từ năm 2012 đến hết tháng 8/2014
Chart 1: Reference to Vietnam export turnover of W&WP by month from 2012 to August 2014

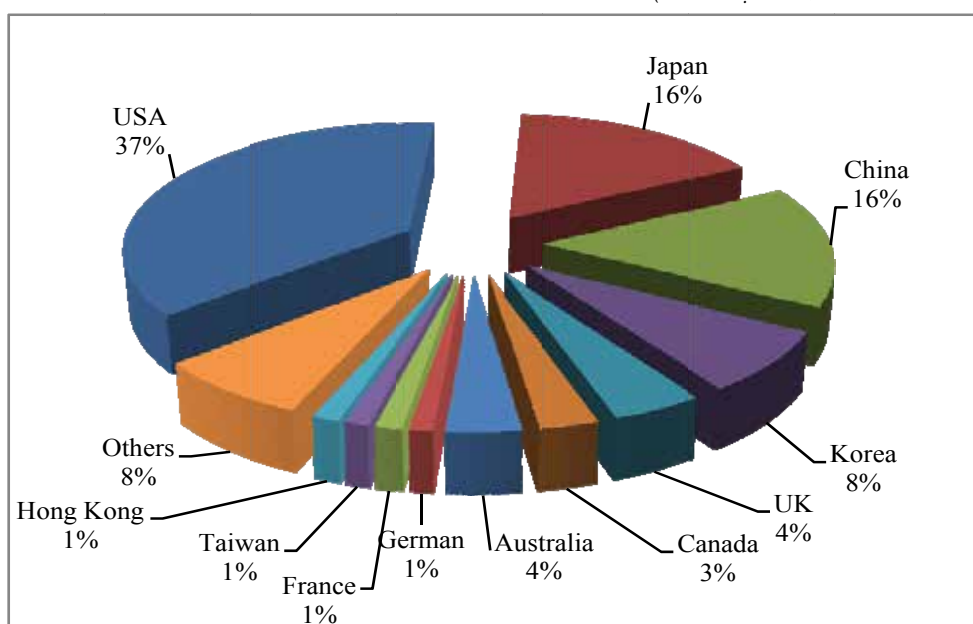
(ĐVT: Triệu USD/Unit: Million USD)



(Nguồn: Hải Quan/Resource: Customs)

Biểu đồ 2: Tham khảo cơ cấu thị trường xuất khẩu G&SPG trong tháng 8/2014
Chart 2: Reference to the export market structure of W&WP in August 2014

(ĐVT: Triệu USD/Unit: Million USD)



(Nguồn: Hải Quan/Resource: Customs)

THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU:

Trong tháng 8/2014, kim ngạch xuất khẩu G&SPG từ Việt Nam sang hầu hết các thị trường chủ lực đều tăng so với tháng trước đó. Trong đó đặc biệt tăng mạnh sang các thị trường: Trung Quốc tăng 89,91%; Hàn Quốc tăng 16,25%; Anh tăng 19,56%; Canada tăng 20,6% và Australia tăng 32,55% so với tháng 7/2014. Ngược lại, kim ngạch xuất khẩu G&SPG sang thị trường Đài Loan giảm nhẹ và giảm mạnh tại thị trường HongKong.

Trong 8 tháng năm 2014, Hoa Kỳ liên tục duy trì là thị trường xuất khẩu G&SPG lớn nhất của Việt Nam, đạt trên 1,4 tỷ USD, tăng trên 14% so với cùng kỳ năm ngoái, chiếm 37% tổng kim ngạch xuất khẩu G&SPG của cả nước, lớn hơn cả tỷ trọng kim ngạch xuất sang 2 thị trường đứng kế sau là Nhật Bản và Trung Quốc gộp lại.

Bên cạnh đó, kim ngạch xuất khẩu G&SPG từ Việt Nam sang hầu hết các thị trường xuất khẩu chủ lực trong 8 tháng năm 2014 đều tăng so với cùng kỳ năm ngoái, đặc biệt là thị trường Hàn Quốc, Anh và Canada với mức tăng lần lượt là 48,81%; 28,48% và tăng 28,86% so với cùng kỳ năm 2013.

EXPORT MARKETS:

In July 2014, Vietnam export turnover of W&WP to the laIn August 2014, Vietnam export turnover of W&WP to the largest markets increased from the previous month. In particular, a strong growth in China up 89,91%; Korea increases by 16,25%; the UK increases by 19,56%; Canada rises 20,6% and Australia is up 32,55% compared with July2014. In contrast, exports to G & SPG Taiwan market fell slightly and fell sharply in Hong Kong market. In contrast, export turnover of W&WP to Taiwan slightly falls and strongly decreases in Hong Kong.

In the first 8 months of 2014, the United States is continuously the largest export market of W&WP in Vietnam, gaining over US\$1,4 2 billion, an increase of over 14% compared with the same period last year, accounting for 37% of total export turnover of W&WP in the country, larger than the export portion of both Japan and China.

Besides, export turnover of W&WP in Vietnam to most main markets in the first 8 months of 2014 increases compared with the same period last year, especially in Korea, the UK and Canada with increase respectively 48,81%; 28,48% and 28,86% compared to the same period in 2013.

Bảng 1: Tham khảo thị trường xuất khẩu G&SPG của Việt Nam tháng 8 và 8 tháng năm 2014
Table 1: Reference to Vietnam export market of W&WP in August and the first 8 months of 2014

(ĐVT/Unit: 1.000 USD)

Thị trường/ Market	August 2014	Compared to July 2014 (%)	Compared to August 2013 (%)	First 8 months of 2014	Compared to first 8 months of 2013
USA	205,759	8.18	10.28	1,414,937	14.41
Japan	90,550	4.44	23.11	633,396	23.71
China	85,248	89.91	-2.51	571,484	-1.69
Korea	42,703	16.52	60.49	309,727	48.81
UK	24,340	19.56	47.13	178,997	28.48
Canada	15,908	20.60	57.97	97,016	28.86
Australia	19,684	32.55	36.72	95,088	22.77
German	6,250	3.54	10.14	67,994	12.28
France	7,421	1.78	44.33	65,377	28.88
Taiwan	6,410	-4.05	-1.32	53,455	9.96
Hong Kong	7,226	-14.39	66.69	52,370	1.94
Netherlands	4,428	-1.90	7.93	38,413	0.27
Malaysia	6,338	20.46	46.83	37,927	57.32
India	5,605	38.40	26.70	35,872	4.53
Belgium	1,713	5.14	11.09	22,821	20.02
Italy	1,040	4.15	9.85	17,716	4.36
New Zealand	3,416	5.98	22.47	17,659	46.83
Sweden	892	-18.95	-15.22	14,080	-7.87
Singapore	1,186	-18.58	34.48	13,689	-28.92
Turkey	1,830	98.86	152.15	13,545	66.45
Saudi Arabia	1,063	-42.62	-34.45	12,757	21.23
Spain	1,085	-12.08	38.55	12,625	32.33
Denmark	1,115	41.93	29.91	10,731	31.32
UAE	1,219	-13.17	1.95	10,084	8.69

(Nguồn: Hải Quan/Resource: Customs)

II. NHẬP KHẨU

KIM NGẠCH NHẬP KHẨU:

Trong tháng 8/2017, kim ngạch nhập khẩu G&SPG về Việt Nam đã tăng khá mạnh trở lại sau 2 tháng giảm mạnh trước đó, đạt 194,4 triệu USD, tăng 23,9% so với tháng 7/2014, và tăng tới 52,47% so với cùng kỳ năm ngoái.

Lũy kế trong 8 tháng năm 2014, kim ngạch nhập khẩu G&SPG về nước ta đạt 1,55 tỷ USD, tăng tới 69,6% so với cùng kỳ năm 2013 – mức cao kỷ lục trong lịch sử ngành - là tiền đề cho hoạt động xuất khẩu sản phẩm gỗ tăng cao trong 3 tháng cuối năm 2014.

Trong 15 ngày đầu tháng 9/2014, kim ngạch nhập khẩu G&SPG về Việt Nam đạt gần 95 triệu USD, xấp xỉ cùng kỳ tháng 8/2014. Như vậy, cùng với xuất khẩu, kim ngạch nhập khẩu G&SPG được dự báo sẽ tiếp tục đứng ở mức cao trong quý IV năm 2014.

- Kim ngạch nhập khẩu G&SPG về Việt Nam của các doanh nghiệp FDI tiếp tục duy trì ở mức cao.

Trong tháng 8/2014, kim ngạch nhập khẩu G&SPG của các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam đạt gần 59 triệu USD, tăng nhẹ so với mức 58 triệu USD của tháng 7/2014.

Trong 8 tháng năm 2014, kim ngạch nhập khẩu G&SPG của các doanh nghiệp FDI về nước ta đạt trên 403 triệu USD, tăng 16,76% so với cùng kỳ năm ngoái, chiếm 22,25% tổng kim ngạch nhập khẩu G&SPG của cả nước.

II. IMPORT

IMPORT TURNOVER:

In August 2014, import turnover of W&WP into Vietnam increases strongly after two previously sharp declining months, achieves US\$ 194,4 million, up 23,9% compared to the previous month but up to 52,47% compared with the same period last year.

Accumulation in August 2014, import turnover of W&WP in our country has reached US\$ 1,55 million, up 69,6% compared with the same period 2013 – a record growth in wood sector, a prerequisite for the increased export of wood products in the last 3 months of 2014.

In the first 15 days of September 2014, import turnover of W&WP in our country achieves nearly US\$ 95 million, approximately the same period of August 2014. Thus, along with the export turnover, import turnover of W&WP is expected to continue remaining high growth in the fourth quarter of 2014.

- W&WP Import turnover into Vietnam of FDI enterprises continues to rise.

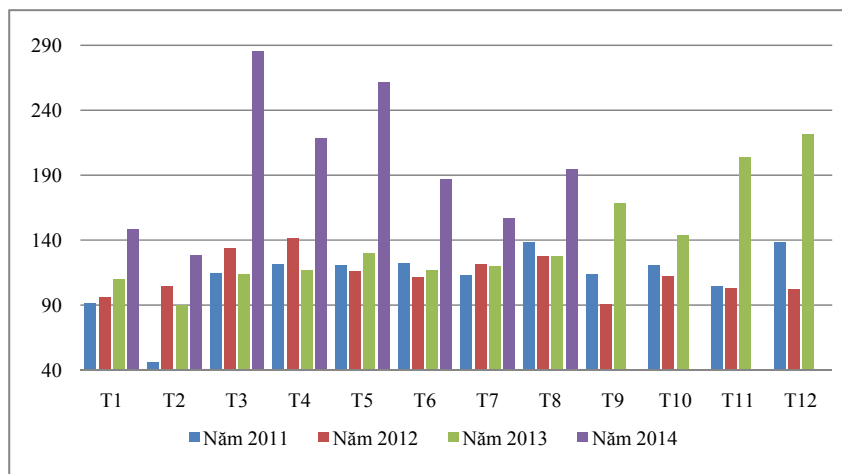
In August 2014, while import turnover of W&WP from FDI enterprises in Vietnam achieves nearly US\$ 59 million, slightly increase compared with US\$ 58 million in July 2014.

In the first 8 months of 2014, import turnover of W&WP from FDI enterprises in Vietnam achieves over US\$ 403 million, up 16,76% compared to the same period in 2013, accounting for 22,25% of total import turnover of W&WP in the country.

Biểu đồ 3: Kim ngạch nhập khẩu G&SPG về Việt Nam theo tháng từ năm 2011 tháng 8/2014

Chart 3: Import turnover of W&WP into Vietnam by month from 2011 to August 2014

(ĐVT: Triệu USD/Unit: Million USD)



(Nguồn: Hải Quan/Resource: Customs)

THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU:

Trong tháng 8/2014, kim ngạch nhập khẩu G&SPG từ hầu hết các thị trường chủ lực đều tăng so với tháng trước đó, trong đó kim ngạch nhập khẩu từ thị trường Lào tăng 17,92%; Campuchia tăng 68,94%; Hoa Kỳ tăng 21,45%... Ngược lại, trong tháng 8/2014, kim ngạch nhập khẩu G&SPG từ thị trường Miama giảm tới 100% so với tháng 7/2014.

IMPORT MARKET:

In August 2014, import turnover of W&WP from most major markets increases in comparison with the previous month, in which import turnover of W&WP from Laos up 17,92%; Cambodia increased by 68,94%; the USA increased 21,45%... In contrast, in August 2014, import turnover of W&WP from Myanmar fell to 100% from the previous month.

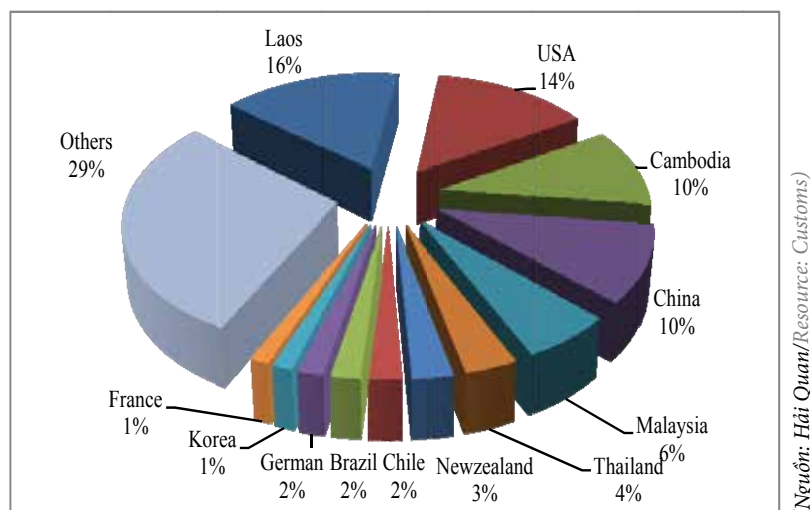
Trong 8 tháng năm 2014, Lào tiếp tục là thị trường cung ứng G&SPG lớn nhất cho Việt Nam, đạt 467 triệu USD, chiếm trên 30% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước, tăng tới trên 148%; tiếp đến là Campuchia đạt trên 207 triệu USD, chiếm 13%; Hoa Kỳ và Trung Quốc đều chiếm xấp xỉ 10% tổng kim ngạch nhập khẩu G&SPG của cả nước.

In August 2014, Laos still is the largest supplier to Vietnam, gained US\$ 467 million, accounted for over 30% of total import turnover in the country, up to over 148%; Cambodia achieved US\$ 207 million, accounted for 13%; the USA and China accounted for nearly 10% of total import turnover in the country.

Biểu đồ 4: Tham khảo cơ cấu thị trường cung ứng G&SPG cho Việt Nam trong tháng 8/2014

Chart 4: Reference to the proportion of market supply W&WP for Vietnam in August 2014

(ĐVT: Triệu USD/Unit: Million USD)



Bảng 2: Tham khảo thị trường nhập khẩu G&SPG về Việt Nam trong tháng 8 và 8 tháng năm 2014

Table 2: Reference to import market of W&WP into Vietnam in August 2014 and in the first 8 months of 2014

(ĐVT/Unit: 1.000 USD)

Thị trường/ Market	August 2014	Compared to July 2014 (%)	Compared to August 2013 (%)	First 8 months of 2014	Compared to first 8 months of 2013 (%)
Laos	31,479	17.92	179.06	467,161	148.21
Cambodia	20,132	68.94	249.86	207,409	579.58
USA	27,700	21.45	31.35	158,887	15.52
China	19,700	-11.27	14.95	148,928	19.63
Malaysia	11,731	37.12	9.50	70,073	19.45
Myanmar	0	-100.00	-100.00	45,781	15.69
Thailand	6,585	22.88	0.80	41,955	-11.62
New Zealand	5,176	17.41	-25.61	35,644	-7.69
Chile	4,033	-6.71	-7.35	33,596	56.18
German	3,295	-9.52	105.57	23,486	93.52
France	2,299	-4.99	118.19	18,025	205.10
Brazil	3,618	35.75	33.28	17,765	40.66
Italy	1,745	-9.45	388.36	13,030	304.49
Korea	2,537	9.34	14.51	12,214	39.18
Finland	1,274	9.15	-25.14	11,085	3.29
Indonesia	887	9.93	6.97	9,499	-6.29
Sweden	977	-36.82	1.88	8,125	81.48
South Africa	237	-44.02	-26.87	2,336	32.00

(Nguồn: Hải Quan/Resource: Customs)

www.goviet.org.vn

TẠP CHÍ GỖ VIỆT
Tạp chí chuyên ngành Đồ gỗ và Lâm sản Việt Nam

KÊNH MARKETING HIỆU QUẢ

Phát hành:
10-15 hàng tháng

Giá: 22.300 đồng/cuốn

PHIẾU ĐẶT BÁO

GỖ VIỆT

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Tên cơ quan (cá nhân):

Địa chỉ:

Điện thoại cơ quan: Fax:

Di động: Email:

Số lượng đặt mua:

Thời hạn đặt mua: từ tháng..... /201... đến tháng...../201.....

HÌNH THỨC THANH TOÁN:

Tiền mặt: ☐

Chuyển khoản: ☐

Tên tài khoản: Tạp chí Gỗ Việt

Số tài khoản: 002 100 030 3924 - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Hà Nội

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC:

PHÒNG QUẢNG CÁO VÀ PHÁT HÀNH - TẠP CHÍ GỖ VIỆT

Bà Cao Thị Cẩm, ĐT: 0904 357 589

189 Thanh Nhân, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel: (+84-4) 37833016/Fax: (+84-4) 37833016

Email: info@goviet.com.vn / Website: www.goviet.org.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Số 12 Phùng Khắc Khoan - Q.1 - TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 0838248432

Ngàythángnăm 2014

Đại diện cơ quan/đơn vị/cá nhân

(Ký tên/đóng dấu)

NOVEMBER

13-15

Window&Doors Vietnam 2014

Glass Technology exhibition

www.glasstechvietnam

vietfair.vn

19-22

WoodWork Fair 2014.

International Exhibition on

Woodworking Machinery, Furniture

Manufacturing Equipment and

Accessories

www.chinaexhibition.com

6-9

VIFA HOME

Vietnam International Furniture Home

Accessories Fair

Ho Chi Minh, Vietnam

www.vifahome.vifafair.com

DECEMBER

6-14

IFF 2014

Indonesia Furniture Fair

Jakarta, Indonesia

www.indonesiainternetfair.com

If you would like to add your event to our calendar. Please contact: caocamhp@gmail.com

AHEC VÀ BENCHMARK HỢP TÁC TRONG DỰ ÁN “WISH LIST” TẠI TRIỂN LÃM THIẾT KẾ LUÂN ĐƠN

Dự án Wish List quy tụ danh sách của các kiến trúc sư và nhà thiết kế xuất sắc từ Hội đồng Xuất khẩu Gỗ cứng Mỹ (AHEC) và công ty nội thất Benchmark nhằm tạo nên sức hấp dẫn khi trưng bày tại V&A trong triển lãm thiết kế Luân Đôn 2014 diễn ra từ 13-21/9.

Danh sách Wish List không chỉ thu hút sự quan tâm của 10 nhà thiết kế huyền thoại bao gồm Paul Smith, Norman Foster, Amanda Levet, John Pawson, Alison Brooks, Zaha Hadid, Alex de Rijke, Richard, Ab Rogers, và Allen Jones - những người đã đưa dấu ấn cá nhân vào trong sản phẩm, mang đến cơ hội tuyệt vời cho một nhóm các nhà thiết kế tài năng mới nổi, những người phát triển các mẫu thiết kế và

thực hiện công việc thiết kế dưới sự giám sát và hướng dẫn của nghệ nhân bậc thầy của Benchmark.

Benchmark là ngôi nhà lớn của nghề thủ công, nơi có nhiều nhà thiết kế lớn nhất thế giới đến đây, xóa tan biên giới những điều có thể làm với gỗ. Dự án này là 1 nền tảng tuyệt vời cho việc học tập, làm giàu bằng sự tương tác trong thiết kế và tạo ra tài năng” - nhà đồng sáng lập Benchmark Sean Sutcliffe nói.

Gỗ cứng Mỹ là nguyên liệu được sử dụng trong các thiết kế. Kết quả cuối cùng cho thấy tác động từ đầu tới cuối của việc tạo ra từng sản phẩm thiết kế trên 6 loại gỗ: gỗ sồi, gỗ anh đào, gỗ uất kim hương, gỗ óc chó, gỗ tần bì và gỗ thích cứng Hoa Kỳ. Tác động đáng quan tâm nhất là khả năng nóng lên toàn cầu (GWP) hoặc lượng khí thải cacbon.



Win Assakul và Amanda Levet làm việc với gỗ óc chó Mỹ. Ảnh: Petr Krejci

Sau dự án “Out of the Woods” – dự án quan trọng có sự kết hợp giữa thiết kế và tính bền vững với các sinh viên RCA, được ra mắt tại Liên hoan Thiết kế Luân Đôn 2012 và sau đó tại Triển lãm nội thất Stockholm và Hội chợ Ánh sáng vào 2/2013 thì đây là dự án thứ 2 mà AHEC và BENCHMARK hợp tác với nhau.



PEFC: YOUR SOURCE FOR CERTIFIED TIMBER

Your customers are requiring proof of legality and sustainability. PEFC, the world's largest forest certification system, offers you the largest supply.

PEFC - Programme for the Endorsement for Forest Certification

Get PEFC Chain of Custody to source and sell certified, sustainable material.

www.pefc.org/getcertified
info@pefc.org



VIETNAM TIMBER AND FOREST PRODUCT ASSOCIATION (VIFORES)

Add: No 189 Thanh Nhan Str, Hai Ba Trung, Ha Noi, Viet Nam
Tel: (84) - 4- 62782122/ 37833016
Fax: (84) - 4 - 37833016
Email: info@vietfores.org; info@vietfores.org.vn
Web: www.vietfores.org; www.vietfores.org.vn

Viet Nam Timber and Forest Products Association (VIFORES) which is a non-governmental organization, representing the community of wood processing enterprises in Viet Nam, has four main functions: (i) to bridge the enterprises with the government to reflect the thoughts, aspiration and requirements to the state, and propose policies to promote production and empower the business community; (ii) to give advice and criticism in the fields related to the development of forest products industry and trade; (iii) to represent the business community to create cooperation relations, mutual support linkage in business and on behalf of the enterprises to voice in national and international workshops and conferences on forests and forestry; and (iv) to provide services to Vietnamese enterprises such as introduction of new production technologies, human resources development, supporting the enterprises to seek customers, trade promotion, export market expansion, providing information on markets and consumers' tastes and on trade, pricing, economy and business partners.



American Hardwood Export Council

Leading International Trade Association for US Hardwood Industry



TRULY SUSTAINABLE

American Hardwood Environmental Profile
Clear and Comprehensive Environmental Impact Data

Available at www.ahec-china.org | www.americanhardwood.org

